Phụ biểu 01

DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2021 - 2030 THỊ XÃ KINH MÔN

(Kèm theo thông báo số... /UBND ngày …/.../2021 của Ủy ban nhân dân Thị xã Kinh Môn)

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
I	**ĐẤT QUỐC PHÒNG**		**45,56**	**3,46**	**42,10**				
1	Phường Phú Thứ, TX Kinh Môn (QK07)	CQP	3,00		3,00	Phường Phú Thứ		2026-2030	Bổ sung mới
2	Phường Phú Thứ, TX Kinh Môn (QK08)	CQP	5,00		5,00	Phường Phú Thứ		2026-2030	Bổ sung mới
3	Phường Phú Thứ, TX Kinh Môn (QK09)	CQP	3,00		3,00	Phường Phú Thứ		2026-2030	Bổ sung mới
4	Phường Duy Tân, TX Kinh Môn (QK10)	CQP	3,00		3,00	Phường Duy Tân		2026-2030	Bổ sung mới
5	Phường Phú Thứ, TX Kinh Môn (Phân kho 44) (QK14)	CQP	7,00		7,00	Phường Phú Thứ		2026-2030	Bổ sung mới
6	Phường Hiệp Sơn, TX Kinh Môn (KM47)	CQP	14,45	3,46	10,99	Phường Hiệp Sơn		2021-2025	Chuyển tiếp
7	Phường An Lưu, TX Kinh Môn (KM01)	CQP	0,11		0,11	Phường An Lưu		2021-2025	Bổ sung mới
8	Phường Hiệp Sơn, TX Kinh Môn (KM48)	CQP	5,00		5,00	Phường Hiệp Sơn		2021-2025	Bổ sung mới
9	Xã Lạc Long, TX Kinh Môn (KM49)	CQP	5,00		5,00	Xã Lạc Long		2026-2030	Bổ sung mới
II	**ĐẤT AN NINH**		**4,12**		**4,12**				
10	Đội PCCC&CNCH thị xã Kinh Môn	CAN	1,00		1,00	Phường An Lưu		2021-2025	Chuyển tiếp
11	Công an phường An Lưu	CAN	0,31		0,31	Phường An Lưu		2021-2025	Bổ sung mới

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
12	Công an xã Minh Hòa	CAN	0,08		0,08	Xã Minh Hòa	Thông báo số 2038-TB/TU ngày 21/10/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hải Dương; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 12/03/2020 Về việc chi chuyển nguồn ngân sách thị xã năm 2020 sang năm 2021	2021	Bổ sung mới
13	Công an phường An Phụ	CAN	0,12		0,12	Phường An Phụ		2021-2025	Chuyển tiếp
14	Công an phường An Sinh	CAN	0,13		0,13	Phường An Sinh	Công văn số 2027/STNMT-KHTC ngày 06/10/2020 của Sở Tài nguyên môi trường	2021-2025	Chuyển tiếp
15	Công an phường Duy Tân	CAN	0,10		0,10	Phường Duy Tân		2021-2025	Chuyển tiếp
16	Công an phường Hiến Thành	CAN	0,20		0,20	Phường Hiến Thành		2021-2025	Chuyển tiếp
17	Công an phường Hiệp An	CAN	0,10		0,10	Phường Hiệp An		2026-2030	Chuyển tiếp
18	Công an phường Hiệp Sơn	CAN	0,10		0,10	Phường Hiệp Sơn		2021-2025	Chuyển tiếp
19	Công an phường Long Xuyên	CAN	0,10		0,10	Phường Long Xuyên		2026-2030	Chuyển tiếp
20	Công an phường Phạm Thái	CAN	0,25		0,25	Phường Phạm Thái		2026-2030	Bổ sung mới
21	Công an phường Phú Thứ	CAN	0,11		0,11	Phường Phú Thứ		2026-2030	Bổ sung mới
22	Công an phường Tân Dân	CAN	0,13		0,13	Phường Tân Dân		2021-2025	Chuyển tiếp
23	Công an phường Thái Thịnh	CAN	0,18		0,18	Phường Thái Thịnh		2021-2025	Chuyển tiếp
24	Công an phường Thất Hùng	CAN	0,11		0,11	Phường Thất Hùng		2021-2025	Chuyển tiếp
25	Công an xã Bạch Đằng	CAN	0,18		0,18	Xã Bạch Đằng	Công văn số 2027/STNMT-KHTC ngày 06/10/2020 của Sở Tài nguyên môi trường	2021-2025	Bổ sung mới
26	Công an xã Hiệp Hòa	CAN	0,11		0,11	Xã Hiệp Hòa		2021-2025	Bổ sung mới
27	Công an xã Hoành Sơn	CAN	0,08		0,08	Xã Hoành Sơn	Công văn số 2027/STNMT-KHTC ngày 06/10/2020 của Sở Tài nguyên môi trường	2021-2025	Bổ sung mới
28	Công an xã Lạc Long	CAN	0,17		0,17	Xã Lạc Long		2021-2025	Bổ sung mới
29	Công an xã Lê Ninh	CAN	0,21		0,21	Xã Lê Ninh	Công văn số 2027/STNMT-KHTC ngày 06/10/2020 của Sở Tài nguyên môi trường	2021-2025	Bổ sung mới
30	Công an xã Thăng Long	CAN	0,10		0,10	Xã Thăng Long		2021-2025	Bổ sung mới

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
31	Công an xã Thượng Quận	CAN	0,11		0,11	Xã Thượng Quận		2021-2025	Bổ sung mới
32	Công an xã Quang Thành	CAN	0,15		0,15	Xã Quang Thành		2026-2030	Bổ sung mới
III	**ĐẤT XÂY DỰNG TRỤ SỞ CƠ QUAN**		**9,81**	**0,95**	**8,86**				
33	Xây mới UBND phường Minh Tân	TSC	0,63		0,63	Phường Minh Tân	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
34	Trung tâm hành chính, văn hóa, thể thao phường Hiến Thành	TSC	1,82	0,95	0,87	Phường Hiến Thành	Nghị quyết 24 ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của UBND huyện Kinh Môn	2021	Chuyển tiếp
35	Xây dựng trung tâm hành chính công thị xã Kinh Môn và nhà làm việc của các phòng chuyên môn	TSC	0,50		0,50	Phường An Lưu	Trụ sở Công an cũ; Nghị quyết 07/NQ-HĐND ngày 08/06/2020 của HĐND thị xã Kinh Môn	2021-2025	Bổ sung mới
36	Tòa án thị xã Kinh Môn	TSC	0,92		0,92	Phường An Lưu		2021-2025	Chuyển tiếp
37	Xây dựng trụ sở VKSND thị xã Kinh Môn	TSC	0,45		0,45	Phường An Lưu		2021-2025	Bổ sung mới
38	Xây dựng trụ sở UBND phường Long Xuyên	TSC	0,35		0,35	Phường Long Xuyên		2021-2025	Bổ sung mới
39	Xây dựng trụ sở UBND phường Phạm Thái	TSC	3,00		3,00	Phường Phạm Thái		2021-2025	Bổ sung mới
40	Xây dựng trụ sở UBND xã Hiệp Hòa	TSC	1,90		1,90	Xã Hiệp Hòa		2026-2030	Bổ sung mới
41	Mở rộng trụ sở UBND xã Hoành Sơn	TSC	0,24		0,24	Xã Hoành Sơn		2026-2030	Bổ sung mới
42	Xây dựng khu trung tâm hành chính và đô thị thị xã Kinh Môn	TSC	500,00		500,00	Xã Thượng Quận, xã Hiệp Hòa		2021-2025	Bổ sung mới
IV	**ĐẤT XÂY DỰNG TRỤ SỞ CỦA TỔ CHỨC SỰ NGHIỆP**								
43	Quỹ đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,60		0,60	Các xã, phường		2021-2025	Chuyển tiếp
V	**ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP**		**437,70**	**29,80**	**407,90**				
44	Cụm công nghiệp An Phụ	SKN	49,95		49,95	Phường An Phụ	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 3748/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
45	Cụm công nghiệp Thăng Long (giai đoạn 1: 20 ha; giai đoạn 2: 29,47 ha)	SKN	49,47		20,00 29,47	Xã Thăng Long	Quyết định số 1069 ngày 24/4/2020 của UBND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 4055/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Hải Dương	2021 2021-2025	Chuyển tiếp
46	Cụm công nghiệp Duy Tân (thực hiện tiếp phần diện tích đã được phê duyệt)	SKN	43,58	29,80	13,78	Phường Duy Tân		2021-2025	Bổ sung mới
47	Cụm công nghiệp Bạch Đằng	SKN	75,00		75,00	Xã Bạch Đằng	Công văn số 1452/UBND-VP ngày 02/05/2020 của UBND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Bổ sung mới
48	Cụm công nghiệp Thất Hùng 1	SKN	60,00		60,00	Phường Thất Hùng	Công văn số 4623/UBND-VP ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Bổ sung mới
49	Cụm công nghiệp Thất Hùng 2	SKN	48,90		48,90	Phường Thất Hùng	Công văn 282/UBND-VP ngày 07/07/2020 của UBND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Bổ sung mới
50	Cụm công nghiệp Quang Trung	SKN	74,50		74,50	Xã Quang Thành	Công văn số 1454/UBND-VP ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Bổ sung mới
51	Dự án Nhà máy vôi công nghiệp DLH (Thuộc CCN Phú Thứ)	SKN	2,54		2,54	Phường Phú Thứ	Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 24/5/2019 của UBND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
52	Bến thủy nội địa DLH (Thuộc CCN Phú Thứ)	SKN	2,23		2,23	Phường Phú Thứ	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 3174/QĐ-UBND ngày 08/12/2015 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
53	Dự án cơ sở sản xuất, chế biến gỗ của công ty cổ phần Gia Thinh Phát (Thuộc CCN Phú Thứ)	SKN	1,20		1,20	Phường Phú Thứ	Quyết định số 3179/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của UBND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
54	Dự án nhà máy sản xuất vật liệu tổng hợp của Công ty cổ phần Phú Sơn	SKN	6,06		6,06	Phường Phú Thứ	Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 25/05/2018 của UBND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
55	Cơ sở dịch vụ sửa chữa, gia công cơ khí của Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Phúc Thiên - Hải Dương (Thuộc CCN Phú Thứ)	SKN	1,10		1,10	Phường Phú Thứ	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Giấy chứng nhận đầu tư số 04121000590 ngày 05/9/2011 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
56	Dự án Nhà máy sản xuất đá nhựa của Công ty TNHH Phú Tân	SKN	4,48		4,48	Phường Phú Thứ	Quyết định số 4233/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của UBND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/7/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
57	Dự án Cơ sở sản xuất đồ gỗ và cho thuê nhà xưởng của công ty TNHH Tân Hạ - KM	SKN	1,45		1,45	Phường Phú Thứ	Quyết định 1494/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của UBND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết 16/NQ-HĐND ngày 25/7/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
58	Dự án cơ sở chế biến, bảo quản hàng nông sản và cho thuê nhà xưởng, kho của công ty cổ phần SX-TM-VT Long An	SKN	1,25		1,25	Phường Long Xuyên	Quyết định số 4055/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
59	Dự án Xây dựng nhà máy chế biến thực phẩm và sơ chế hàng nông sản của công ty cổ phần Long Phát QLC (Thuộc CCN Long Xuyên)	SKN	6,00		6,00	Phường Long Xuyên	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 3270/QĐ-UBND ngày 15/32019 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
60	Nhà máy sản xuất gia công hàng may mặc của công ty TNHH Nam Lee (Thuộc CCN Long Xuyên)	SKN	0,17		0,17	Phường Long Xuyên	Nghị quyết 24 ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
61	Dự án Xây dựng nhà máy sản xuất vật tư, thiết bị nghành nước và kinh doanh dịch vụ kho bãi, lưu giữ, vận tải hàng hóa của công ty TNHH MTV cơ khí và giao nhận kho vận DLH (Thuộc CCN Long Xuyên)	SKN	9,82		9,82	Phường Long Xuyên	NQ số 04/NQ-HĐND ngày 23/4/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 15/3/2019 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
VI	**ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ**		**140,98**		**140,98**				
62	Dự án cơ sở kinh doanh đồ gỗ nội thất của Công ty cổ phần Hải Dương DEV	TMD	0,42		0,42	Phường Hiệp An	Quyết định số 2444/QĐ-UBND ngày 17/7/2019 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
63	Xây dựng khu sinh thái nghỉ dưỡng núi Lim	TMD	2,17		2,17	Phường Phú Thứ	Văn bản số 300/VP-TH ngày 28/12/2017 của Văn phòng UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
64	Bến bãi kinh doanh của hộ kinh doanh ông Lê Văn Lộc	TMD	0,10		0,10	Xã Lạc Long	Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND huyện	2021	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
65	Cơ sở kinh doanh hàng ăn uống của hộ ông Phạm Quang Chiến	TMD	0,10		0,10	Phường An Lưu	Nghị quyết số 24 ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 04/5/2017 của UBND huyện	2021	Chuyển tiếp
66	Trung tâm thương mại dịch vụ Quang Thành	TMD	23,18		23,18	Xã Quang Thành	Công văn số 510/CTĐT-UBND ngày 8/2/2021 của UBND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Bổ sung mới
67	Quỹ tín dụng nhân dân phường Duy Tân	TMD	0,03		0,03	Phường Duy Tân	Nghị quyết số 135/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Chuyển tiếp
68	Bến bãi kinh doanh VLXD Triệu Vương (Phạm Hữu Tuân chuyển cho Triệu Vương)	TMD	0,60		0,60	Phường Tân Dân	Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 của UBND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Chuyển tiếp
69	Trung tâm dịch vụ tổng hợp và luyện tập thể thao của Hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Khải tại xã Hiệp Hòa	TMD	0,10		0,10	Xã Hiệp Hòa	Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 31/10/2020 của UBND thị xã Kinh Môn	2021-2025	Bổ sung mới
70	Kinh doanh vật liệu xây dựng Hà Thanh - Bãi ngoài đê sông Kinh Thầy	TMD	0,33		0,33	Xã Hoành Sơn	Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 của UBND huyện Kinh Môn	2021-2025	Chuyển tiếp
71	Đất thương mại, dịch vụ tại phường An Lưu	TMD	16,50		16,50	Phường An Lưu		2026-2030	Bổ sung mới
72	Đất thương mại, dịch vụ tại phường An Sinh	TMD	4,50		4,50	Phường An Sinh		2026-2030	Bổ sung mới
73	Đất thương mại, dịch vụ tại phường Hiệp An	TMD	1,80		1,80	Phường Hiệp An		2021-2025	Chuyển tiếp
74	Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp	TMD	0,03		0,03	Phường Hiệp Sơn		2021-2025	Chuyển tiếp
75	Qũy tín dụng Phường Phạm Thái	TMD	0,01		0,01	Phường Phạm Thái		2021-2025	Chuyển tiếp
76	QH HTXDV Nông Nghiệp tại khu Đìa Mốc (Giáp trụ sở mới)	TMD	0,10		0,10	Phường Thái Thịnh		2021-2025	Chuyển tiếp
77	Đất thương mại, dịch vụ tại phường Thái Thịnh	TMD	0,50		0,50	Phường Thái Thịnh		2021-2025	Chuyển tiếp
78	Xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu Thất Hùng của Công ty cổ phần vật tư xăng dầu Hải Dương	TMD	1,10		1,10	Phường Thất Hùng		2021-2025	Bổ sung mới
79	Cảng bốc xúc hàng hóa vật liệu xây dựng tại phường Thất Hùng	TMD	4,83		4,83	Phường Thất Hùng		2021-2025	Bổ sung mới
80	Đất thương mại, dịch vụ tại xã Hiệp Hòa	TMD	7,02		7,02	Xã Hiệp Hòa		2021-2025	Bổ sung mới
81	Quy hoạch cây xăng (Khu mả Cáy)	TMD	0,55		0,55	Xã Hiệp Hòa		2021-2025	Chuyển tiếp
82	Khu dịch vụ thương mại (Ty van, cầu sắt)	TMD	7,80		7,80	Xã Hoành Sơn		2026-2030	Bổ sung mới

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
83	Đất thương mại, dịch vụ tại xã Hoành Sơn	TMD	28,00		28,00	Xã Hoành Sơn		2021-2025	Bổ sung mới
84	Đất thương mại, dịch vụ tại xã Lạc Long	TMD	0,30		0,30	Xã Lạc Long		2021-2025	Chuyển tiếp
85	Cửa hàng xăng dầu, trạm nghỉ và các dịch vụ tổng hợp của Công ty CP đầu tư Hải Tân	TMD	1,50		1,50	Xã Lê Ninh		2021-2025	Chuyển tiếp
86	Đất thương mại, dịch vụ tại xã Lê Ninh	TMD	0,50		0,50	Xã Lê Ninh		2021-2025	Chuyển tiếp
87	Đất thương mại, dịch vụ tại xã Minh Hòa	TMD	2,70		2,70	Xã Minh Hòa		2021-2025	Chuyển tiếp
88	Dự án xây dựng trụ sở cửa hàng của Hợp tác xã DVNN xã	TMD	0,50		0,50	Xã Quang Thành		2021-2025	Chuyển tiếp
89	Dịch vụ ăn uống, giải trí	TMD	0,10		0,10	Xã Quang Thành		2021-2025	Bổ sung mới
90	Đất thương mại, dịch vụ tại xã Quang Thành	TMD	2,45		2,45	Xã Quang Thành		2021-2025	Chuyển tiếp
91	Đất thương mại, dịch vụ tại xã Thăng Long	TMD	28,00		28,00	Xã Thăng Long		2026-2030	Bổ sung mới
92	Kinh doanh dịch vụ hộ ông Bùi Văn Quý	TMD	0,07		0,07	Xã Thượng Quận		2021-2025	Bổ sung mới
93	Kinh doanh dịch khu vui chơi giải trí nhà hàng Tre Việt	TMD	0,50		0,50	Xã Thượng Quận		2021-2025	Bổ sung mới
94	Đất thương mại, dịch vụ tại xã Thượng Quận	TMD	4,60		4,60	Xã Thượng Quận		2021-2025	Chuyển tiếp
VII	**ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP**		**212,40**	**2,63**	**209,76**				
95	Dự án cơ sở chế và kinh doanh than Hà Hưng	SKC	2,68	1,17	1,51	Phường Phạm Thái	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 4399/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
96	Cơ sở chế biến và kinh doanh than Phúc Ngọc (Cty cổ phần sản xuất thương mại và vận tải Phúc Ngọc) Giai đoạn 2	SKC	0,35		0,35	Phường Phạm Thái	Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
97	Dự án bến bãi chế biến kinh doanh than, vật liệu xây dựng và bốc xếp hàng hóa của Công ty cổ phần thương mại Vũ Anh Đức	SKC	5,05		5,05	Phường Phạm Thái	Quyết định 1914/QĐ-UBND ngày 08 tháng 07 năm 2020 của UBND tỉnh Hải Dương; Thông báo số 104/TB-VP ngày 29/4/2020 của Văn phòng UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
98	Dự án Nhà máy xử lý nước sạch An Phụ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Kinh Môn (Xây dựng trạm bơm cấp 1 ngoài đê)	SKC	0,04		0,04	Phường An Phụ	Quyết định 2221/QĐ-UBND ngày 02/7/2019 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
99	Dự án Nhà máy xử lý nước sạch An Phụ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Kinh Môn (trong đê)	SKC	0,99		0,99	Phường An Phụ	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định 2221/QĐ-UBND ngày 02/7/2019 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
100	Mở rộng dự án cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng và sơ chế than Triệu Vương	SKC	4,72		4,72	Phường Tân Dân	Thông báo số 1083/TN-SKHĐT ngày 03/6/2020 của Sở KHĐT; Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
101	Dự án Bến thủy nội địa và Cơ sở sơ chế, kinh doanh than của Công ty cổ phần sản xuất, kinh doanh và dịch vụ Bảo Long	SKC	3,00		3,00	Phường Long Xuyên	Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
102	Nhà máy sản xuất bột nhẹ của Công ty TNHH Minh Phúc	SKC	1,73		1,73	Phường Minh Tân	Quyết định chủ trương đầu tư số 533, ngày 25/02/2020; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
103	Cơ sở sơ chế hàng nông sản, dịch vụ ăn uống, lưu trú và cho thuê nhà xưởng của Công ty cổ phần phát triển thương mại và dịch vụ Đại Phúc	SKC	2,50		2,50	Xã Quang Thành	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 1757/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
104	Cơ sở sản xuất gạch không nung và kinh doanh vật liệu xây dựng tại phường Phạm Thái	SKC	1,50		1,50	Phường Phạm Thái	Quyết định 1914/QĐ-UBND ngày 08/07/2020 của UBND tỉnh Hải Dương; Văn bản số 941/SKHĐT, TĐ&GSĐT ngày 29/5/2020 của sở Kế hoạch đầu tư	2021	Chuyển tiếp
105	Xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng hộ gia đình ông Trần Văn Đăng	SKC	0,50		0,50	Phường Hiến Thành	Thông báo số 1012-TB/HU ngày 27/8/2019 của Huyện ủy Kinh Môn	2021	Chuyển tiếp
106	Dự án đầu tư Cơ sở sản xuất Pallet gỗ và kinh doanh đồ gỗ nội thất	SKC	0,30		0,30	Xã Thượng Quận	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 16/NQQ-HĐND ngày 25/7/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện Kinh Môn	2021	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
107	Dự án cơ sở kinh doanh hàng nông sản và gia công hàng may mặc	SKC	0,37		0,37	Xã Lạc Long	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/07/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương;	2021	Chuyển tiếp
108	Nhà máy giết mổ tập trung CTCP long Phát QLC xã Hiệp Hòa	SKC	1,30		1,30	Xã Hiệp Hòa	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Bổ sung mới
109	Cơ sở sản xuất kinh doanh hộ gia đình Nguyễn Thị Huệ	SKC	0,39		0,39	Phường Hiệp Sơn	Nghị quyết số 24 ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 26/5/2015 của UBND huyện	2021-2025	Chuyển tiếp
110	Cơ sở kinh doanh cây cảnh và dịch vụ ăn uống của hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị Thơ	SKC	0,33		0,33	Phường An Lưu	Thông báo số 89/TB-VP ngày 25/11/2020 của UBND thị xã Kinh Môn	2021-2025	Bổ sung mới
111	Dự án đầu tư cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu sông của hộ ông Trần Trọng Dũng Phường Duy Tân	SKC	0,63		0,63	Phường Duy Tân	Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của UBND huyện	2021-2025	Chuyển tiếp
112	Dự án đầu tư cơ sở đóng mới, sửa chữa tầu thuyền của Công ty cổ phần đóng tầu Hải Hưng	SKC	0,90		0,90	Phường Duy Tân	Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 tỉnh Hải Dương	2021-2025	Bổ sung mới
113	Đất cơ sở chế biến, kinh doanh than và vật liệu xây dựng Vina Miền Bắc	SKC	0,68		0,68	Phường Long Xuyên	Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của UBND tỉnh Hải Dương	2026-2030	Bổ sung mới
114	Bến bãi Công ty TNHH Tiến Hoàng (GĐ3)	SKC	1,05		1,05	Phường Minh Tân	Quyết định chủ trương đầu tư số 2191 ngày 29/6/2018 của UBND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Chuyển tiếp
115	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại Phường Duy Tân	SKC	0,50		0,50	Phường Duy Tân		2021-2025	Chuyển tiếp
116	Đất sản xuất kinh doanh khu thành ông Trợ	SKC	0,93		0,93	Phường Hiệp Sơn		2021-2025	Bổ sung mới
117	Mở rộng cảng (bãi ngoài thoi Hiệp Thượng)	SKC	2,64		2,64	Phường Hiệp Sơn		2021-2025	Bổ sung mới
118	Đất sản xuất kinh doanh khu Chùa Thất	SKC	0,68		0,68	Phường Hiệp Sơn		2021-2025	Bổ sung mới
119	Đất sản xuất kinh doanh khu bãi ngoài Thoi đồn	SKC	1,60		1,60	Phường Hiệp Sơn		2021-2025	Bổ sung mới
120	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại phường Hiệp Sơn	SKC	23,40		23,40	Phường Hiệp Sơn		2021-2025	Bổ sung mới
121	Dự án mở rộng Cơ sở sơ chế, kinh doanh than và bến thủy nội địa của Công ty cổ phần sản xuất, kinh doanh và dịch vụ Bảo Long	SKC	8,00		8,00	Phường Long Xuyên		2026-2030	Bổ sung mới

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
122	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại phường Minh Tân	SKC	11,00		11,00	Phường Minh Tân		2021-2025	Bổ sung mới
123	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại phường Phạm Thái	SKC	23,00		23,00	Phường Phạm Thái		2026-2030	Bổ sung mới
124	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại phường Phú Thứ	SKC	3,00		3,00	Phường Phú Thứ		2026-2030	Bổ sung mới
125	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại phường Tân Dân	SKC	6,51		6,51	Phường Tân Dân		2021-2025	Bổ sung mới
126	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại phường Thái Thịnh	SKC	0,27		0,27	Phường Thái Thịnh		2021-2025	Chuyển tiếp
127	Mở rộng công ty TNHH một thành viên Tuấn Tài	SKC	0,75		0,75	Phường Thất Hùng		2021-2025	Bổ sung mới
128	Quy hoạch cảng nội địa vị trí 1	SKC	9,53	0,304	9,23	Xã Bạch Đằng		2021-2025	Bổ sung mới
129	Mở rộng nhà máy nước sạch (Vị trí 1: 0,60 ha Vị trí 2: 2,83 ha)	SKC	3,43		3,43	Xã Bạch Đằng		2021-2025	Bổ sung mới
130	Quy hoạch cảng nội địa vị trí 2	SKC	16,60	1,16	15,44	Xã Bạch Đằng		2026-2030	Bổ sung mới
131	Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh xã Bạch Đằng (2 vị trí)	SKC	18,26		18,26	Xã Bạch Đằng		2026-2030	Bổ sung mới
132	Mở rộng diện tích công ty đóng tàu Hải Hưng	SKC	1,30		1,30	Xã Hoành Sơn		2021-2025	Bổ sung mới
133	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại xã Hoành Sơn	SKC	1,25		1,25	Xã Hoành Sơn		2026-2030	Bổ sung mới
134	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại xã Minh Hòa	SKC	16,00		16,00	Xã Minh Hòa		2021-2025	Bổ sung mới
135	Bến bãi kinh kinh doanh VLXD và sản xuất gạch không nung Long Phát QLC	SKC	4,43		4,43	Xã Thăng Long		2021-2025	Chuyển tiếp
136	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại xã Thăng Long	SKC	23,34		23,34	Xã Thăng Long		2026-2030	Bổ sung mới
137	Dự án đầu tư khu vui chơi giải trí, vật liệu xây dựng của hộ ông Trần Văn Thạo	SKC	0,21		0,21	Xã Thăng Long		2026-2030	Bổ sung mới
138	Quy hoạch cảng nội địa tại xã Thăng Long	SKC	5,00		5,00	Xã Thăng Long		2026-2030	Bổ sung mới
139	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp xã Thượng Quận	SKC	0,69		0,69	Xã Thượng Quận		2021-2025	Chuyển tiếp
140	Kinh doanh dịch vụ đồ gỗ	SKC	0,07		0,07	Xã Thượng Quận		2021-2025	Bổ sung mới

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
141	Kinh doanh vận tải Ngân Thắng	SKC	1,00		1,00	Xã Thượng Quận		2021-2025	Bổ sung mới
VIII	**ĐẤT SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG, LÀM ĐỒ GỐM**		**323,74**	**4,64**	**319,10**				
142	Khai thác mỏ sét núi Cúc Tiên (Khu khai thác 77,39 ha tại phường Tân Dân và Duy Tân; tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ 4,61 ha tại phường Tân Dân và phường Phú Thứ)	SKX	82,03	4,64	77,39	Phường Duy Tân; Phường Tân Dân; Phường Phú Thứ	Giấy chứng nhận đầu tư số 04121000692, đăng ký lần đầu ngày 27/9/2013, thay đổi lần 1 ngày 16/9/2014; Giấy phép hoạt động khoáng sản số 1037/GP-BTNMT ngày 06/5/2015; Văn bản số 472/TTg-KTN ngày 16/4/2014; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
	Phường Tân Dân		46,18						
	Phường Phú Thứ		2,97						
	Phường Duy Tân		32,88						
143	Dự án khai thác mỏ đá vôi núi ngang (diện tích khai thác mỏ và vành đai an toàn)	SKX	9,93		9,93	Phường Duy Tân; Phường Tân Dân	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/07/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 4713/NQ-UBND ngày 15/12/2008 của UBND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 27/03/2015 của UBND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh Hải Dương;	2021	Chuyển tiếp
144	Vành đai an toàn khai thác mỏ núi A Hoàng Thạch	SKX	4,65		4,65	Phường Minh Tân	Quyết định số 188/TTg ngày 17/5/1979 của Thủ tướng chính Phủ; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
145	Dự án khai thác phần sâu Núi Han (phía đông)	SKX	8,70		8,70	Phường Minh Tân	Giấy phép khai thác số 3114/GP - BTNMT ngày 29/12/2014 của bộ Tài nguyên và môi trường; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
146	Khu khai thác đất sản xuất gạch tuynel công	SKX	21,00		5,00	Phường Long Xuyên;	Quyết định chấp thuận đầu tư số 2704 ngày 01/8/2018 của UBND tỉnh Hải Dương;	2021	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
146	ty Long Thành	SKX	21,00		16,00	Xuyên, phường An Phụ	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Chuyển tiếp
147	Khai thác khoáng sản núi Bu Lu (Đã bao gồm cả diện tích của công ty Quyết Tiến 5,99 ha)	SKX	19,96		19,96	Xã Bạch Đằng, xã Lê Ninh (8,11 ha)		2021-2025	Chuyển tiếp
148	Khai thác đất đồi, đất sét làm vật liệu xây dựng đầu núi XN 200	SKX	6,00		6,00	Xã Hoành Sơn		2021-2025	Chuyển tiếp
149	Quy hoạch thăm dò đất sét sản xuất gạch ngói các khu vực đất đồi tại các xã, phường: Hoành Sơn, Duy Tân, Tân Dân, Bạch Đằng, Phú Thứ	SKX	100,00		100,00	Xã Hoành Sơn, Phường Duy Tân, phường Tân Dân, xã Bạch Đằng, Phường Phú Thứ		2021-2025	Chuyển tiếp
150	Thăm dò khoáng sản mỏ đất, cát đen tại bãi sông Kinh Môn (KM 34 +300) thôn Trần Xá, Xã Lạc Long	SKX	18,48		18,48	Xã Lạc Long		2021-2025	Bổ sung mới
151	Dự án khai thác đất núi Bulu phần còn lại (nằm ngoai ranh giới công ty Quyết Tiến)	SKX	29,10		29,10	Xã Lê Ninh		2026-2030	Bổ sung mới
152	Dự án Khai thác đất sản xuất kinh doanh khu Ba Bậc	SKX	23,89		23,89	Xã Lê Ninh		2021-2025	Bổ sung mới
IX	**ĐẤT CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG**		**0,70**		**0,70**				
153	Xây dựng đình Nhất Sơn	TIN	0,70		0,70	Phường Thái Thịnh		2021-2025	Bổ sung mới
X	**ĐẤT PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CẤP QUỐC GIA, CẤP TỈNH, CẤP XÃ**		**630,27**	**58,28**	**571,95**				
	1. Đất giao thông		**274,84**	**3,95**	**270,89**				
154	Dự án đầu tư xây dựng Cầu Dinh	DGT	2,50		2,50	Phường Thái Thịnh, phường An Lưu	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Công văn số 3175/UBND-VP ngày 05/12/2016 của VP UBND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 1914/QĐ-UBND ngày 08 tháng 07 năm 2020 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
155	Đường nối QL 17B với cầu Dinh	DGT	2,50		2,50	Phường Long Xuyên, phường Hiệp An, phường Thái Thịnh, phường An Lưu	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện Kinh Môn	2021	Chuyển tiếp
156	Dự án nâng cấp đường 389B (Km0-Km12) đoạn từ cầu An Lưu 2 đến đường 389, thị xã Kinh Môn	DGT	4,00		4,00	Phường Hiệp An, phường An Phụ, xã Hiệp Hòa; xã Quang Thành, xã Thượng Quận	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Văn bản số 3435/UBND-VP Về việc điều chỉnh dự án đầu tư: Dự án nâng cấp đường 389B (Km0-Km12) đoạn từ cầu An Lưu 2 đến đường 389, huyện Kinh Môn	2021	Chuyển tiếp
157	Bến xe khách trung tâm thị xã Kinh Môn	DGT	1,61		1,61	Phường An Lưu, Phường Hiệp Sơn	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 29/8/2012 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
158	Cải tạo, nâng cấp hệ thống hạ tầng vùng sản xuất tập trung lúa hữu cơ và khai thác rươi, cáy khu Tử Lạc, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn	DGT	1,50		1,50	Phường Minh Tân	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/07/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 4793/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
159	Dự án khai thác mỏ sét núi Cúc Tiên (Diện tích làm tuyến đường vận chuyển của Công ty xi măng Vicem Hoàng Thạch)	DGT	1,62		1,62	Phường Tân Dân	Giấy chứng nhận đầu tư số 04121000692, đăng ký lần đầu ngày 27/9/2013, thay đổi lần 1 ngày 16/9/2014; Giấy phép hoạt động khai thác khoáng sản số 1037/GP-BTNMT ngày 06/5/2016; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
160	Cải tạo nâng cấp đường vào di tích đền cao An Phụ (ngã ba UBND xã đến bãi đỗ xe Đền Cao)	DGT	0,16		0,16	Phường An Sinh	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện Kinh Môn	2021	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
161	Cải tạo nâng cấp đường liên xã Long Xuyên - Hiến Thành	DGT	1,00		1,00	Phường Long Xuyên, Phường Hiến Thành	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 1432/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của UBND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện Kinh Môn	2021	Chuyển tiếp
162	Dự án đầu tư xây dựng cầu Triều và đường dẫn nối QL 18 (thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh) với đường tỉnh 389 (thị xã Kinh Môn) (phường Thất Hùng)	DGT	6,62	1,25	5,37	Phường Thất Hùng	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 24/7/2019 của UBND huyện Kinh Môn	2021	Chuyển tiếp
163	Cải tạo, nâng cấp đường trục phường Hiến Thành (đoạn từ sau UBND phường Hiến Thành đến đò An Thủy)	DGT	1,05		1,05	Phường Hiến Thành	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 14/9/2020 của UBND thị xã Kinh Môn; Nghị quyết 07/NQ-HĐND ngày 08/06/2020 của HĐND thị xã Kinh Môn; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 về phê chuẩn danh mục đầu tư công năm 2020	2021	Bổ sung mới
164	Dự án cải tạo nâng cấp đường 389B (Km0-Km12) đoạn từ cầu An Lưu 2 đến đường 389 (Bổ sung cải tạo, nâng cấp đoạn tuyến Km9+600 - K10+900)	DGT	1,81		1,81	Xã Hiệp Hòa	Công văn số 3667/UBND-VP, ngày 07/10/2020 của UBDN tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 02/11/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định 3424/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
165	Đường giao thông phường Phú Thứ (Đoạn từ đường Vạn Đức và đường Minh Khai)	DGT	3,40		3,40	Phường Phú Thứ	Nghị quyết 24 ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của UBND huyện Kinh Môn	2021	Chuyển tiếp
166	Cải tạo HTKT trung tâm Phường Tân Dân	DGT	0,66		0,66	Phường Tân Dân	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện Kinh Môn	2021	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
167	Xây dựng đường giao thông từ cầu An Thái đến Trạm bơm Long Xuyên (giai đoạn 1)	DGT	10,50		10,50	Phường Long Xuyên	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 về phê chuẩn danh mục đầu tư công năm 2020; Nghị quyết 07/NQ-HĐND ngày 08/06/2020 của HĐND thị xã Kinh Môn;	2021-2025	Bổ sung mới
168	Bến Quang Thành	DGT	1,20		1,20	Xã Quang Thành	Công văn 3817/UBND-VP của UBND tỉnh Hải Dương; Công văn số 511/CTĐT-UBND ngày 8/2/2021 của UBND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Bổ sung mới
169	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH01 (Đoạn từ ngã tư Chợ Thống Nhất đến cầu Mo)	DGT	0,80		0,80	Phường Thái Thịnh, Phường Hiến Thành, xã Minh Hòa	Nghị quyết 07/NQ-HĐND ngày 08/06/2020 của HĐND thị xã Kinh Môn; Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 về phê chuẩn danh mục đầu tư công năm 2020	2021-2025	Bổ sung mới
170	Cải tạo nâng cấp đường DH 05 (từ đường 389 đến Đình Huề Trì)	DGT	0,27		0,27	Phường An Sinh, Phường An Phụ	Nghị quyết 24 ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 23/4/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện Kinh Môn; Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 08/6/2020 về phê duyệt kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025	2021	Chuyển tiếp
171	Nâng cấp đường huyện ĐH05 (gđ2), đoạn từ Đèo Nẻo đến Đình Huề Trì	DGT	1,20		1,20	Phường An Phụ	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 08/06/2020 của HĐND thị xã Kinh Môn; Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 23/4/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện Kinh Môn	2021-2025	Chuyển tiếp
172	Mở rộng đường ĐH 06 giai đoạn 2	DGT	0,73	0,60	0,13	Xã Thượng Quận	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 08/06/2020 của HĐND thị xã Kinh Môn	2021-2025	Bổ sung mới
173	Xây dựng đường trục thị xã từ ĐH07 đến Quốc lộ 17B	DGT	7,00		7,00	Phường An Sinh + Phường Hiệp Sơn + Phường Hiệp An	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 08/06/2020 của HĐND thị xã Kinh Môn	2021-2025	Bổ sung mới

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
174	Cải tạo nâng cấp đường ĐH 07 (đoạn từ trạm bơm Bạch Đằng đến đường tỉnh 389)	DGT	1,48		1,48	Xã Bạch Đằng, phường Thất Hùng	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 08/6/2020 của HĐND thị xã Kinh Môn; Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 31/10/2020 của UBND thị xã Kinh Môn	2021-2025	Bổ sung mới
175	Xây dựng dường giao thông từ ĐH07 đến trục Bắc Nam giai đoạn 1 (đoạn từ Trạm bơm Bạch Đăng đến trục Bắc Nam)	DGT	1,80		1,80	Xã Bạch Đằng	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 08/06/2020 của HĐND thị xã Kinh Môn	2021-2025	Bổ sung mới
176	Xây dựng đường gom QL17B - giai đoạn 1 (đoạn từ cầu An Thái đến Khu đô thị Thành Công)	DGT	3,00		3,00	Phường Long Xuyên, Phường Hiệp An	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 08/06/2020 của HĐND thị xã Kinh Môn	2021-2025	Bổ sung mới
177	Xây dựng đường gom QL17B - giai đoạn 2 (đoạn từ Khu đô thị Thành Công đến cầu Hiệp Thượng)	DGT	1,50		1,50	Phường An Lưu + Phường Hiệp An	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 08/06/2020 của HĐND thị xã Kinh Môn	2021-2025	Bổ sung mới
178	Xây dựng đường gom QL17B - giai đoạn 3 (đoạn từ cầu Hiệp Thượng đến dốc Đèo Gai)	DGT	1,50		1,50	Phường Phú Thứ	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 08/06/2020 của HĐND thị xã Kinh Môn	2021-2025	Bổ sung mới
179	Đường từ QL 17B đến CCN An Phụ	DGT	0,72		0,72	Phường An Phụ		2026-2030	Bổ sung mới
180	Xây dựng đường tránh QL17B tại phường phú Thứ	DGT	6,75		6,75	Phường Phú Thứ, phường Minh Tân		2026-2030	Bổ sung mới
181	Cải tạo, nâng cấp đường nối trung tâm phường Duy Tân đi Tân Dân và khu di tích Nhẫm Dương	DGT	0,80		0,80	Phường Duy Tân, phường Tân Dân	Nghị quyết 07/NQ-HĐND ngày 08/06/2020 của HĐND thị xã Kinh Môn	2021-2025	Bổ sung mới
182	Xây dựng đường kết nối từ trung tâm thị xã Kinh Môn đến cầu Triều, đoạn từ phường Thất Hùng sang phường Phạm Thái	DGT	3,50		3,50	Phường Thất Hùng, Phường Phạm Thái	Nghị quyết 07/NQ-HĐND ngày 08/06/2020 của HĐND thị xã Kinh Môn	2021-2025	Bổ sung mới
183	Dự án: Xây dựng đoạn tuyến đường từ cầu Triều đến đường tỉnh 389 (Đường trục Bắc - Nam)*	DGT	14,74	2,10	12,64	Xã Lê Ninh, xã Quang Thành, xã Lạc Long, xã Thăng Long		2021-2025	Chuyển tiếp
184	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 389B (đoạn từ KmlO- Kml2)	DGT	1,50		1,50	Xã Hiệp Hòa; Xã Quang Thành		2026-2030	Bổ sung mới
185	Đường tỉnh 389B (đoạn nối TL389 đến QL37) (Kinh Môn: 5,3 ha và Chí Linh: 8,8 ha)	DGT	5,30		5,30	Xã Quang Thành, xã Lê Ninh		2021-2025	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
186	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 389 (đoạn từ cầu Mây đến phường Phạm Thái)	DGT	3,80		3,80	Xã Thăng Long; xã Quang Thành; xã Lê Ninh; phường Thất Hùng, xã Bạch Đằng, phường Phạm Thái		2026-2030	Bổ sung mới
187	Cải tạo HTKT trung tâm Phường Phạm Thái	DGT	0,13		0,13	Phường Phạm Thái		2021-2025	Chuyển tiếp
188	Cải tạo, nâng cấp đường trục nối phường Hiến Thành - phường Thái Thịnh	DGT	2,90		2,90	Phường Thái Thịnh, Phường Hiến Thành		2021-2025	Bổ sung mới
189	Cải tạo, nâng cấp đường đò phù đi Phùng Khắc	DGT	1,00		1,00	Phường An Phụ		2026-2030	Bổ sung mới
190	Mở rộng đường phường Hiến Thành (từ UBND phường Hiến Thành đến đê sông Kinh Môn)	DGT	12,60		12,60	Phường Hiến Thành		2026-2030	Bổ sung mới
191	Đường Vành đai 2 (Hiệp An, Long Xuyên đi Thái Thịnh, Minh Hòa)	DGT	8,60		8,60	Phường Hiệp An, Long Xuyên, Thái Thịnh, Minh Hòa		2021-2025	Chuyển tiếp
192	Xây dựng cầu An Thái 2	DGT	6,24		6,24	Phường Long Xuyên		2026-2030	Chuyển tiếp
193	Dự án bãi đỗ xe Công ty 568	DGT	1,50		1,50	Phường Minh Tân		2021-2025	Chuyển tiếp
194	Bến xe khách xã Quang Thành	DGT	6,40		6,40	Xã Quang Thành		2026-2030	Chuyển tiếp
195	Quy hoạch đường giao thông của công ty ximăng Hoàng Thạch	DGT	0,34		0,34	Phường Tân Dân		2021-2025	Chuyển tiếp
196	Đường giao thông thuộc dự án Khai thác mỏ sét Cúc Tiên	DGT	4,61		4,61	Phường Phú Thứ, Phường Tân Dân		2021-2025	Chuyển tiếp
197	Tuyến đường bộ nối đường cao tốc HN - HP (QL5B) với QL18	DGT	53,00		53,00	Xã Thượng Quận, Phường An Sinh, phường Phạm Thái, phường Duy Tân		2021-2025	Bổ sung mới
198	Cầu Kinh Môn	DGT	7,00		7,00	Xã Thượng Quận		2026-2030	Bổ sung mới
199	Cầu Kinh Thầy	DGT	7,00		7,00	Phường Duy Tân, phường Phạm Thái		2026-2030	Bổ sung mới
200	Cầu Đá Vách (cầu Thượng Chiểu)	DGT	7,00		7,00	Phường Duy Tân		2026-2030	Bổ sung mới

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
201	Cầu Vạn	DGT	4,00		4,00	Xã Quang Thành		2021-2025	Bổ sung mới
202	Cầu An Thủy	DGT	7,00		7,00	Phường Hiến Thành		2026-2030	Bổ sung mới
203	Cầu Lê Ninh	DGT	7,00		7,00	Xã Lê Ninh		2026-2030	Bổ sung mới
204	Quy hoạch, nâng cấp giao thông trên địa bàn thị xã	DGT	42,00		42,00	Các xã, phường		2026-2030	Bổ sung mới
	2. Đất thủy lợi		**61,80**	**0,00**	**61,80**				
205	Làm đường hành lang chân đê đoạn từ K1+480 - K3+300 đê tả sông Kinh Môn thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trinh: Nâng cấp tuyến đê tả sông Kinh Môn từ K0+000 - K3+300 huyện Kinh Môn (nay là thị xã Kinh Môn)	DTL	0,12		0,12	Xã Thăng Long, xã Lạc Long	Quyết định 3424/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 02/11/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết điịnh số 575/QĐ-UBND ngày 07/02/2018 của UBND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 1435/QĐ-UBND ngày 05/06/2020 của UBND tỉnh Hải Dương.	2021	Chuyển tiếp
206	Nâng cấp tuyến đê tả sông Kinh Môn (K0+000 đến K3+300) thị xã Kinh Môn (Làm đường hành lang chân đê đoạn từ K0+000 - K2+000 đê tả sông Kinh Môn)	DTL	0,42		0,42	Xã Thăng Long	Nghị quyết số 24 ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 1611/QĐ-UB ngày 04/5/2011 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp tuyến đê tả sông Kinh Môn(K0+000 đến K3+300)	2021	Chuyển tiếp
207	Nâng cấp tuyến đê tả sông Kinh Môn (XD cống Đầm Mận)*	DTL	0,04		0,04	Phường An Phụ	Nghị quyết số 24 ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 3320/QĐ-UB ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
208	Dự án tu bổ đê điều địa phương tỉnh Hải Dương năm 2019 (Xây dựng kè Long Xuyên tương ứng từ K14+800 - K15+042 đê tả sông Kinh Môn)	DTL	0,20		0,20	Phường Long Xuyên	Nghị quyết số 24 ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Hải Dương; Văn bản số 169/CV-HĐND23/10/2015 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
209	Dự án tu bổ đê điều địa phương tỉnh Hải Dương năm 2019 (Hoàn thiện mặt cắt và gia cố mặt đê đoạn từ K46+046 - K48+134 đê hữu sông Kinh Thầy; Gia cố mặt đê đoạn từ K27+680 - K30+450 đê tả sông Kinh Môn)	DTL	2,39		2,39	Xã Minh Hòa	Nghị quyết số 24 ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Hải Dương; Văn bản số 169/CV-HĐND23/10/2015 của HĐ nhân dân tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
210	Mở rộng, làm mới kênh mương nội đồng các thôn Thượng I, thôn Thượng II, thôn Tây Sơn, thôn Trại Mới Phường Hiệp An	DTL	0,72		0,72	Phường Hiệp An		2021-2025	Chuyển tiếp
211	Mương Hạ CHiểu	DTL	2,96		2,96	Phường Minh Tân		2021-2025	Chuyển tiếp
212	Mở rộng kênh mương nội đồng thôn Quảng Trí, thôn Trí Giả, thôn Vũ An Phường Phạm Thái	DTL	3,00		3,00	Phường Phạm Thái		2021-2025	Chuyển tiếp
213	Các hạng mục tu bổ tuyến đê hữu sông Kinh Thầy	DTL	0,81	0,003	0,81	Phường Phạm Thái, phường Hiệp An, xã Quang Thành		2021-2025	Chuyển tiếp
214	Hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản Phường Tân Dân	DTL	3,00		3,00	Phường Tân Dân		2021-2025	Chuyển tiếp
215	Các hạng mục tu bổ tuyến đê hữu sông Đá Vách	DTL	0,05		0,05	Phường Tân Dân		2021-2025	Chuyển tiếp
216	Hệ thống thoát nước trong khu dân cư tại thôn Tống Xá, Tống Buồng, Nhất Sơn và hệ thống thủy lợi nội đồng các thôn	DTL	2,20		2,20	Phường Thái Thịnh		2021-2025	Chuyển tiếp
217	Làm mương hoàn trả dân nhà máy nhiệt điện BOT Hải Dương	DTL	3,89		3,89	Xã Quang Thành		2021-2025	Chuyển tiếp
218	Quy hoạch khu xử lý nước thải tập trung của thị xã Kinh Môn (2 khu: Khu phía Bắc An Phụ và khu Tam Lưu)	DTL	6,00		6,00	Thị xã Kinh Môn		2026-2030	Bổ sung mới
219	Quỹ đất thủy lợi trên địa bàn thị xã Kinh Môn	DTL	36,00		36,00	Các xã, phường		2021-2025	Bổ sung mới
	3. Đất xây dựng cơ sở văn hóa		**8,30**	**0,06**	**8,24**				
220	Xây dựng nhà văn hóa thôn Trại Xanh	DVH	0,20		0,20	Phường Duy Tân	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Bổ sung mới
221	Xây dựng quảng trường Kinh Môn	DVH	4,00		4,00	Phường Hiệp An		2021-2025	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
222	Xây dựng Nhà văn hóa thiếu nhi thị xã Kinh Môn	DVH	0,25		0,25	Phường Hiệp An	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 về danh mục đầu tư công năm 2020	2021-2025	Bổ sung mới
223	Thư viện nhà truyền thống xã (Tại khu đống húc thôn An Cường)	DVH	0,30		0,30	Phường Hiệp Sơn		2021-2025	Chuyển tiếp
224	Đất trung tâm sinh hoạt cộng đồng	DVH	0,10		0,10	Phường Hiệp Sơn		2021-2025	Bổ sung mới
225	Nhà văn hóa thôn Quảng Trí	DVH	0,14		0,14	Phường Phạm Thái		2021-2025	Chuyển tiếp
226	Xây dựng nhà văn hóa khu dân cư Hán Xuyên	DVH	0,35		0,35	Phường Thất Hùng		2021-2025	Chuyển tiếp
227	Xây dựng nhà văn hóa thôn Đại Uyên	DVH	0,21		0,21	Xã Bạch Đằng		2021-2025	Chuyển tiếp
228	Nhà văn hóa thôn An Bộ	DVH	0,50		0,50	Xã Hiệp Hòa		2021-2025	Chuyển tiếp
229	Mở rộng nhà văn hóa thôn Đích Sơn	DVH	0,07		0,07	Xã Hiệp Hòa		2021-2025	Chuyển tiếp
230	Mở rộng nhà văn hóa thôn Châu Bộ	DVH	0,13		0,13	Xã Hiệp Hòa		2021-2025	Chuyển tiếp
231	Nhà văn hóa thôn Thượng Xá	DVH	0,05		0,05	Xã Thượng Quận		2021-2025	Chuyển tiếp
232	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã	DVH	0,74		0,74	Xã Minh Hòa		2026-2030	Bổ sung mới
233	Cụm tuyên truyền cổ động và các biển quảng cáo tấm lớn trên địa bàn thị xã Kinh Môn	DVH	0,46	0,06	0,40	Các xã, phường: Phường Hiệp An, Phường An Lưu, Phường Hiệp Sơn,Phường Phạm Thái, xã Quang Thành	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND huyện ngày 24/7/2018 của HĐND huyện Kinh Môn	2021-2025	Chuyển tiếp
234	Cụm tuyên truyền, cổ động cầu Mây, cầu Triều, cầu Dinh thị xã Kinh Môn	DVH	0,80		0,80	Xã Thăng Long, phường Thái Thịnh	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 08/6/2020 về phê duyệt kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025	2021-2025	Chuyển tiếp
	4. Đất xây dựng cơ sở y tế		**6,36**		**6,36**				
235	Mở rộng trạm y tế phường Minh Tân	DYT	0,03		0,03	Phường Minh Tân	Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND thị xã Kinh Môn; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
236	Mở rộng Bệnh viện đa khoa thị xã Kinh Môn	DYT	0,73		0,73	Phường An Lưu	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 781/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND huyện Kinh Môn	2021	Chuyển tiếp
237	Xây dựng mới trạm y tế phường Hiến Thành	DYT	0,40		0,40	Phường Hiến Thành		2021-2025	Chuyển tiếp
238	Xây dựng trạm y tế mới xã Thượng Quận	DYT	0,15		0,15	Xã Thượng Quận		2026-2030	Bổ sung mới
239	Khu trạm xá xã Lê Ninh	DYT	0,05		0,05	Xã Lê Ninh		2021-2025	Chuyển tiếp
240	Quy hoạch đất y tế tại các xã, phường	DYT	5,00		5,00	Các xã, phường		2026-2030	Bổ sung mới
	5. Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo		**41,38**	**1,13**	**40,25**				
241	Quy hoạch khu giáo dục và đào tạo	DGD	15,00		15,00	Phường Phạm Thái		2026-2030	Bổ sung mới
242	Mở rộng khuôn viên trường THPT Kinh Môn II	DGD	1,00		1,00	Phường Hiệp Sơn	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Bổ sung mới
243	Mở rộng Trường THPT Nhị Chiểu	DGD	0,06		0,06	Phường Phú Thứ	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 07/8/2012 của UBND huyện Kinh Môn	2021	Bổ sung mới
244	Xây dựng trường học 3 cấp (cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở)	DGD	7,32		7,32	Phường Phạm Thái		2026-2030	Bổ sung mới
245	Mở rộng trường THCS xã Lê Ninh	DGD	0,74	0,55	0,19	Xã Lê Ninh	Quyết định 1719/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch chi tiết của UBND thị xã Kinh Môn 30/12/2019 và trích lục của sở Tài nguyên tháng 10/ 2020; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
246	Trường THCS xã Quang Thành (mở rộng)	DGD	0,82	0,27	0,55	Xã Quang Thành	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2016 của UBND huyện Kinh Môn	2021	Chuyển tiếp
247	Dự án mở rộng trường THCS phường Tân Dân	DGD	0,07		0,07	Phường Tân Dân		2021-2025	Bổ sung mới
248	Mở rộng trường THCS phường Hiến Thành	DGD	0,60		0,60	Phường Hiến Thành		2021-2025	Bổ sung mới
249	Mở rộng trường THCS phường Long Xuyên	DGD	1,00		1,00	Phường Long Xuyên		2021-2025	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
250	Mở rộng trường THCS xã Minh Hòa	DGD	0,57		0,57	Xã Minh Hòa		2021-2025	Chuyển tiếp
251	Mở rộng trường THCS xã Quang Thành	DGD	1,48		1,48	Xã Quang Thành		2021-2025	Chuyển tiếp
252	Mở rộng trường THCS xã Thăng Long	DGD	0,30		0,30	Xã Thăng Long		2021-2025	Chuyển tiếp
253	Mở rộng trường THCS xã Thượng Quận	DGD	0,18		0,18	Xã Thượng Quận		2021-2025	Bổ sung mới
254	Trường Tiểu học xã Quang Thành (mở rộng)	DGD	0,61	0,31	0,30	Xã Quang Thành	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2017 của UBND huyện Kinh Môn	2021	Chuyển tiếp
255	Mở rộng trường tiểu học phường Duy Tân	DGD	0,60		0,60	Phường Duy Tân		2021-2025	Chuyển tiếp
256	Mở rộng trường tiểu học phường Long Xuyên	DGD	1,00		1,00	Phường Long Xuyên		2021-2025	Chuyển tiếp
257	Mở rộng trường tiểu học phường Phú Thứ	DGD	0,50		0,50	Phường Phú Thứ		2021-2025	Bổ sung mới
258	Mở rộng trường tiểu học xã Bạch Đằng	DGD	0,15		0,15	Xã Bạch Đằng		2021-2025	Bổ sung mới
259	Mở rộng trường tiểu học và THCS xã Lạc Long	DGD	0,40		0,40	Xã Lạc Long		2021-2025	Chuyển tiếp
260	Mở rộng trường Tiểu học xã Lê Ninh	DGD	0,12		0,12	Xã Lê Ninh	Quyết định số 1718/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch chi tiết của UBND thị xã Kinh Môn ngày 30/12/ 2019 và Trích lục của Sở Tài nguyên tháng 10/2020; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Bổ sung mới
261	Mở rộng trường tiểu học xã Minh Hòa	DGD	0,79		0,79	Xã Minh Hòa		2021-2025	Chuyển tiếp
262	Mở rộng trường tiểu học xã Quang Thành	DGD	0,30		0,30	Xã Quang Thành		2021-2025	Chuyển tiếp
263	Mở rộng trường tiểu học xã Thăng Long	DGD	0,50		0,50	Xã Thăng Long		2021-2025	Chuyển tiếp
264	Xây dựng trường Mầm non Tân An phường An Phụ (khu vực Tân An)	DGD	0,60		0,60	Phường An Phụ	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 của UBND huyện; Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND huyện Kinh Môn	2021	Chuyển tiếp
265	Xây dựng trường Mầm non Tân An phường An Phụ (khu vực Huề Trì)	DGD	0,49		0,49	Phường An Phụ	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
266	Mở rộng trường Mầm non phường Minh Tân	DGD	0,28		0,28	Phường Minh Tân	Quyết định 411 ngày 28/9/2016 của UBND huyện Kinh Môn; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Bổ sung mới
267	Xây dựng trường Mầm non Phường Phạm Thái	DGD	0,40		0,40	Phường Phạm Thái	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương;	2021	Chuyển tiếp
268	Xây dựng trường Mầm non xã Quang Thành	DGD	0,74		0,74	Xã Quang Thành	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 1128/QĐ-UBND huyện 26/7/2016 chấp thuận đầu tư; Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND huyện Kinh Môn	2021	Chuyển tiếp
269	Mở rộng trường mầm non phường Hiến Thành	DGD	0,18		0,18	Phường Hiến Thành		2021-2025	Chuyển tiếp
270	Mở rộng trường mầm non phường Hiệp Sơn	DGD	0,51		0,51	Phường Hiệp Sơn		2021-2025	Chuyển tiếp
271	Mở rộng trường Mầm non xã Lê Ninh	DGD	0,14		0,14	Xã Lê Ninh	Quyết định 213/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của UBND thị xã Kinh Môn; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Bổ sung mới
272	Mở rộng trường mầm non xã Quang Thành	DGD	0,64		0,64	Xã Quang Thành		2021-2025	Chuyển tiếp
273	Mở rộng trường mầm non xã Thăng Long	DGD	0,15		0,15	Xã Thăng Long		2021-2025	Chuyển tiếp
274	Mở rộng trường mầm non xã Bạch Đằng	DGD	0,35		0,35	Xã Bạch Đằng		2021-2025	Bổ sung mới
275	Xây dựng trường mầm non tập trung xã Minh Hòa	DGD	2,00		2,00	Xã Minh Hòa		2026-2030	Bổ sung mới
276	Quỹ đất giáo dục và đào tạo thị xã Kinh Môn	DGD	0,80		0,80	Thị xã Kinh Môn		2026-2030	Bổ sung mới
	6. Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao		**23,97**	**11,80**	**12,17**				

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
277	Xây dựng Khu liên hợp thể thao thị xã Kinh Môn giai đoạn 2 và giai đoạn 3 (Điều chỉnh lần 2)	DTT	14,80	11,80	3,00	Phường Hiệp An	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 24 ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 21/10/2010 của UBND huyện; Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 về phê chuẩn danh mục dự án đầu tư công phát sinh năm 2018; Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 08/06/2020 của HĐND thị xã Kinh Môn	2021	Chuyển tiếp
278	Xây dựng sân vận động trung tâm, công viên cây xanh và bãi đỗ xe xã Hoành Sơn	DTT	1,20		1,20	Xã Hoành Sơn	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
279	Đất thể dục thể thao thôn Trại Xanh phường Duy Tân	DTT	0,20		0,20	Phường Duy Tân		2021-2025	Chuyển tiếp
280	Xây dựng nhà thi đấu đa năng phường Hiệp Sơn	DTT	0,19		0,19	Phường Hiệp Sơn		2021-2025	Chuyển tiếp
281	Sân bóng thể thao Khu Rộc Trên	DTT	0,30		0,30	Phường Phú Thứ		2021-2025	Chuyển tiếp
282	Sân vận động thôn Tống Xá	DTT	0,20		0,20	Phường Thái Thịnh		2021-2025	Chuyển tiếp
283	Mở rộng sân thể thao thôn Tống Buồng	DTT	0,20		0,20	Phường Thái Thịnh		2021-2025	Chuyển tiếp
284	Sân vận động thôn Nhất Sơn	DTT	0,20		0,20	Phường Thái Thịnh		2021-2025	Chuyển tiếp
285	Sân vận động thôn Sơn Khê	DTT	0,20		0,20	Phường Thái Thịnh		2021-2025	Chuyển tiếp
286	Sân vận động KDC Hán Xuyên	DTT	0,10		0,10	Phường Thất Hùng		2021-2025	Chuyển tiếp
287	Dự án Ao Bơi	DTT	0,15		0,15	Xã Hoành Sơn		2026-2030	Bổ sung mới
288	Đất thể thao thôn Ninh Xá	DTT	0,50		0,50	Xã Lê Ninh	Quyết định số 2167/QĐ ngày 30/7/2020 của UBND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Chuyển tiếp
289	Sân vận động xã tại thôn Tư Đa	DTT	2,40		2,40	Xã Minh Hòa		2021-2025	Chuyển tiếp
290	Mở rộng sân vận động Xạ Sơn	DTT	0,14		0,14	Xã Quang Thành		2021-2025	Bổ sung mới
291	Mở rộng sân vận động Miêu Nha	DTT	0,02		0,02	Xã Quang Thành		2021-2025	Bổ sung mới
292	Mở rộng sân thể thao xã tại Đồng Quan- Khu Công Nghệ	DTT	0,54		0,54	Xã Quang Thành		2021-2025	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
293	Đất thể thao thôn Hà Tràng	DTT	0,50		0,50	Xã Thăng Long		2021-2025	Chuyển tiếp
294	Đất thể thao thôn Tống Long	DTT	0,20		0,20	Xã Thăng Long		2021-2025	Chuyển tiếp
295	Quy hoạch đất thể thao xã	DTT	1,44		1,44	Xã Thượng Quận		2021-2025	Chuyển tiếp
296	Sân thể thao thôn Bãi Mạc	DTT	0,50		0,50	Xã Thượng Quận		2021-2025	Chuyển tiếp
	7. Đất công trình năng lượng		**69,93**	**38,76**	**31,12**				
297	Nhà máy nhiệt điện BOT Hải Dương (cấp QG) Bao gồm cả Đường băng tải xỉ + Khu bãi thải xỉ)	DNL	54,03	38,3	15,73	Xã Lê Ninh, xã Quang Thành	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; GCN đầu tư số 040043000049 Bộ Kế hoạch đầu tư cấp ngày 30/6/2011; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Chuyển tiếp
298	Lắp đặt các bộ Recloser trên lưới điện trung áp tỉnh Hải Dương	DNL	0,005		0,005	Phường Minh Tân	Quyết định phê duyệt PA số 4376/QĐ-PCHD ngày 30/7/2020; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
299	Xây dựng và cải tạo đường dây 35kV lộ 371-E2.11 cấp điện cho khu Tử Lạc – phường Minh Tân, xây dựng đường dây 35kV lộ 370E8.10 cấp điện khu Hạ Chiểu – phường Minh Tân	DNL	0,003		0,003	Phường Minh Tân	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định phê duyệt BCKTKT số 655/QĐ-PCHD ngày 14/02/2020; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
300	Xây dựng ĐZ 35kV cấp điện cho các xã Hoành Sơn, phường Duy Tân, phường Tân Dân thị xã Kinh Môn	DNL	0,03		0,01	Phường Duy Tân	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
					0,01	Xã Hoành Sơn			
					0,01	Phường Tân Dân			
301	Di chuyển đường ống dẫn dầu	DNL	0,98		0,98	Phường Hiệp An; Phường Hiệp Sơn; Phường An Phụ	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh (0,02 ha); Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 01/8/2018 của UBND huyện Kinh Môn; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
302	Xây dựng mới đường dây 35kv từ TBA 110Kv Nhị Chiểu đến REC Hiệp Sơn	DNL	0,24	0,08	0,16	Phường Phú Thứ, Phường An Lưu	Quyết định phê duyệt PA số 4054/QĐ-PCHD ngày 29/7/2019 của Công ty TNHH MTV Điện lực HD; Quyết định phê duyệt BCKTKT số 655/QĐ-PCHD ngày 14/02/2020; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
303	Lắp đặt MBA T3 TBA 110kV Nhị Chiểu	DNL	0,23		0,23	Phường Phú Thứ	Quyết định số 2638/QĐ-PCHD ngày 24/02/2017 của Công ty TMHH một thành viên Điện lực Hải Dương; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
304	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối thị xã Kinh Môn năm 2021.	DNL	0,14	0,02	0,12	Phường An Phụ, Phường Thái Thịnh, Phường Hiến Thành, Phường Thất Hùng, Xã Thượng Quận, Xã Lê Ninh, xã Hiệp Hòa, xã Quang Thành	Quyết định số 4318/QĐ-PCHD ngày 30/7/2020; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
305	Cải tạo lưới điện hạ thế thị xã Kinh Môn năm 2021.	DNL	0,06		0,06	Các xã, phường	Quyết định số 4318/QĐ-PCHD ngày 30/7/2020; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh	2021	Chuyển tiếp
306	Dự án TBA 110 kV Thanh Hà và nhánh rẽ đi qua 3 huyện: huyện Thanh Hà, thị xã Kinh Môn, Nam Sách	DNL	0,32		0,32	Phường An Phụ	Quyết định số 3060/QĐ-BCT ngày 09/10/2019 của Bộ Công thương; Quyết định phê duyệt BCKTKT số 655/QĐ-PCHD ngày 14/02/2020; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh	2021	Chuyển tiếp
307	Đường dây và Trạm biến áp 110kV Thanh Hà và nhánh rẽ đi qua 3 huyện: huyện Thanh Hà, thị xã Kinh Môn, Nam Sách	DNL	0,30		0,30	Các xã, phường	Quyết định phê duyệt BCKTKT số 655/QĐ-PCHD ngày 14/2/2020; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh	2021	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
308	Mở rộng và cải tạo lưới điện trung hạ áp tỉnh Hải Dương (JICA)	DNL	0,26		0,26	Phường An Lưu, Xã Long Xuyên	Quyết định số 2575/QĐ-BCT ngày 28/8/2019 của Bộ Công thương; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh	2021	Chuyển tiếp
309	Đường dây 220KV- nhiệt điện Hải Dương-Trạm 500KV Phố Nối	DNL	0,59		0,59	Xã Quang Thành, xã Thăng Long	Nghị quyết số 24 ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh	2021	Chuyển tiếp
310	Lắp đặt các bộ tụ bù trung áp trên lưới điện trung áp tỉnh Hải Dương	DNL	0,004		0,004	Xã Bạch Đằng	Quyết định phê duyệt BCKTKT số 655/QĐ-PCHD ngày 14/02/2020; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh	2021	Chuyển tiếp
311	Cải tạo đường dây 0,4kV sau các TBA An Sinh A, An Sinh B, An Sinh C, An Sinh 1 - huyện Kim Thành	DNL	0,01		0,01	Phường An Sinh	Quyết định phê duyệt BCKTKT số 655/QĐ-PCHD ngày 14/02/2020; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh	2021	Chuyển tiếp
312	Xóa bỏ điểm đấu chữ T ĐZ 171, 172 E8.10 và hoàn thiện sơ đồ trạm 110kV Nhị Chiểu (E8.10)	DNL	0,04		0,04	Phường An Sinh	Quyết định phê duyệt BCKTKT số 655/QĐ-PCHD ngày 14/02/2020; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh	2021	Chuyển tiếp
313	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối thị xã Kinh Môn năm 2019	DNL	0,05		0,05	Xã Quang Thành; Xã Hiệp Hòa; xã Hiệp Sơn; Phường An Lưu; Phường Minh Tân	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh	2021	Chuyển tiếp
314	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối thị xã Kinh Môn năm 2019	DNL	0,01		0,01	Xã Quang Thành	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh	2021	Chuyển tiếp
315	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối thị xã Kinh Môn năm 2019	DNL	0,18		0,18	Xã Hiệp Hòa; Xã Quang Thành; Phường An Lưu; phường Hiệp Sơn; Phường Minh Tân		2021	Chuyển tiếp
316	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối thị xã Kinh Môn năm 2020	DNL	0,01		0,01	Xã Quang Thành Phường Thái Thịnh	Quyết định 2590/QĐ-UBND ngày 28 tháng 08 năm 2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/07/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật số 655/QĐ-PCHD ngày 14/02/2020	2021	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
317	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối thị xã Kinh Môn năm 2020	DNL	0,06		0,06	Phường Thái Thịnh; phường Phạm Thái; phường An Sinh; xã Hiệp Hòa; xã Minh Hòa; phường Hiến Thành	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh	2021	Chuyển tiếp
318	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối thị xã Kinh Môn năm 2020	DNL	0,02		0,02	Phường Thái Thịnh	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh	2021	Chuyển tiếp
319	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối thị xã Kinh Môn năm 2020	DNL	0,09	0,01	0,08	Xã Hiệp Hòa; xã Quang Thành; phường Hiến Thành; xã Minh Hòa; phường Thái Thịnh; phường An Lưu; phường An Sinh	Nghị quyết số 22/NQ-HDND ngày 13/12/2019 của HDND tỉnh; Quyết định phê duyệt PA số 4036/QĐ-PCHD ngày 29/7/2019 của Công ty TNHH MTV điện lực HD	2021	Chuyển tiếp
320	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối thị xã Kinh Môn năm 2020	DNL	0,01		0,01	Xã Quang Thành	Quyết định phê duyệt BCKTKT số 655/QĐ-PCHD ngày 14/2/2020; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh	2021	Chuyển tiếp
321	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối thị xã Kinh Môn năm 2022.	DNL	1,74		1,74	Phường An Lưu		2021-2025	Bổ sung mới
322	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối thị xã Kinh Môn năm 2023.	DNL	0,21		0,21	Phường An Lưu		2021-2025	Bổ sung mới
323	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối thị xã Kinh Môn năm 2024.	DNL	0,14		0,14	Phường An Lưu		2021-2025	Bổ sung mới
324	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối thị xã Kinh Môn năm 2025.	DNL	0,15		0,15	Phường An Lưu		2021-2025	Bổ sung mới
325	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối thị xã Kinh Môn năm 2026.	DNL	0,19		0,19	Phường An Lưu		2026-2030	Bổ sung mới
326	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối thị xã Kinh Môn năm 2027.	DNL	0,18		0,18	Phường An Lưu		2026-2030	Bổ sung mới
327	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối thị xã Kinh Môn năm 2028.	DNL	0,17		0,17	Phường An Lưu		2026-2030	Bổ sung mới

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
328	Xây dựng Trạm biến áp khu chuyển đổi Thất Hùng và Bạch Đằng	DNL	0,15		0,15	Phường Bạch Đằng, Phường Thất Hùng	Nghị quyết 07/NQ-HĐND ngày 08/06/2020 của Hội đồng nhân dân thị xã Kinh Môn về việc Phê duyệt kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025	2021-2025	Bổ sung mới
329	Đường dây 220Kv từ trạm Hải Dương 2 đi trạm 220Kv Gia Lộc	DNL	1,05		1,05	Các xã trong huyện		2021-2025	Chuyển tiếp
330	Đường dây trung thế và TBA CQT (giai đoạn 2) qua: Long Xuyên, Hoành Sơn, Phường Minh Tân, An Phụ, Lê Ninh, Hiến Thành, Hiệp sơn, Phường Minh Tân, Hiệp Hòa	DNL	0,03	0,003	0,03	Các xã: Hoành Sơn, Phường Minh Tân, An Phụ, Lê Ninh, Hiến Thành, Hiệp sơn, Phường Minh Tân, Hiệp Hòa		2021-2025	Chuyển tiếp
331	Đường dây 110kV và Trạm 110kV Kinh Môn	DNL	1,43		1,43	Phường An Lưu		2026-2030	Bổ sung mới
332	Cải tạo và nâng cấp đường dây 35kV lộ 370E8.10 đoạn từ cột 14 đến cột 63	DNL	0,08		0,08	Phường An Lưu		2021-2025	Bổ sung mới
333	Cải tạo nâng cấp đường dây 35kV lộ 377E8.10 - ĐL Kinh Môn	DNL	0,11		0,11	Phường An Lưu		2021-2025	Bổ sung mới
334	Đường dây 110kV và Trạm 110kV Kinh Môn 2	DNL	1,76		1,76	Phường An Lưu		2026-2030	Bổ sung mới
335	Đường dây 110kV mạch kép Nhị Chiều đi nhánh rẽ đường dây 110kV Hòa Phát	DNL	0,18		0,18	Phường An Lưu		2021-2025	Bổ sung mới
336	Cải tạo và nâng cấp đường dây 35kV từ cột 20 lộ 375E8.10 đến cột CD nhánh Móc Lèo lộ 375E8.6 - ĐL Kinh Môn, ĐL Kim Thành	DNL	0,17		0,17	Phường An Lưu		2021-2025	Bổ sung mới
337	Xuất tuyến 2 trạm 220kV NĐ Hải Dương	DNL	0,15		0,15	Phường An Lưu		2026-2030	Bổ sung mới
338	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối thị xã Kinh Môn năm 2029.	DNL	0,20		0,15	Phường An Lưu		2026-2030	Bổ sung mới
339	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối thị xã Kinh Môn năm 2030.	DNL	0,22		0,22	Phường An Lưu		2026-2030	Bổ sung mới
340	Đường điện 110Kv vào Hòa Phát	DNL	0,08		0,08	Phường Hiệp Sơn		2021-2025	Chuyển tiếp
341	Đường dây 110 KV Hải Dương 2 - Hòa Phát	DNL	0,34	0,14	0,20	Phường An Phụ, Hiệp Sơn, Phạm Thái		2021-2025	Chuyển tiếp
342	Công trình điện (Xây dựng 11 cột điện tại Phường Phạm Thái: 115 m2; xây dựng trạm biến áp thị trấn Kinh Môn 45 m2)	DNL	0,02	0,01	0,01	Phường An Lưu		2021-2025	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
343	Đường dây trung thế và TBA CQT(giai đoạn 1) qua: Phường An Lưu, Long Xuyên, Phạm Thái, Tân Dân, Hiến Thành, Thất Hùng, Thượng Quận, Minh Hòa, Thái Thịnh, An Phụ, Lê Ninh, Hiệp Sơn.	DNL	0,04	0,003	0,04	Phường An Lưu, Long Xuyên, Tân Dân, Hiến Thành, Thượng Quận, Thái Thịnh, An Phụ, Lê Ninh, Hiệp Sơn.		2021-2025	Chuyển tiếp
344	Công trình điện (thuộc dự án 6 công trình điện Thị xã Kinh Môn)	DNL	0,05		0,05	Xã Lê Ninh		2021-2025	Chuyển tiếp
345	Trạm biến áp thôn Lê Xá	DNL	0,01		0,01	Xã Lê Ninh		2021-2025	Chuyển tiếp
346	Đường dây trung thế và các TBA CQT Thị xã Kinh Môn năm 2017 (giai đoạn 1)	DNL	0,02	0,01	0,01	Xã Minh Hòa		2021-2025	Chuyển tiếp
347	Công trình: Đường dây trung thế và các TBA CQT Thị xã Kinh Môn năm (GĐ2)	DNL	0,06	0,02	0,05	Xã Thượng Quận, Thái Thịnh, An Phụ, Tân Dân, Quang Thành, Hiệp Sơn		2021-2025	Chuyển tiếp
348	Đường dây trung thế và các TBA CQT Thị xã Kinh Môn năm 2016 (giai đoạn 2) tại Phường Hiệp An và đường dây trung thế và TBA CQT Phường Thất Hùng năm 2018	DNL	0,01	0,003	0,007	Phường Hiệp An, xã Bạch Đằng		2021-2025	Chuyển tiếp
349	Xóa bỏ điểm đấu chữ T đường dây 171, 172E8.10 và hoàn thiện sơ đồ trạm 110 kV Nhị Chiểu (E8.10)*	DNL	0,26		0,26	Phường Phú Thứ		2021-2025	Chuyển tiếp
350	Đường dây trung thế TBA CQT Thái Thịnh E thôn Tống Xá - Phường Thái Thịnh - Thị xã Kinh Môn	DNL	0,01		0,01	Phường Thái Thịnh		2021-2025	Chuyển tiếp
351	ĐZ 35Kv mạch kép Lai Khê - Kim Lương	DNL	0,33	0,17	0,17	Xã Bạch Đằng		2021-2025	Chuyển tiếp
352	Cải tạo và nâng cấp các đường dây 35kV trong nhánh Kênh Than lộ 371E8.6.	DNL	1,50		1,50	Xã Hiệp Hòa		2026-2030	Bổ sung mới
353	Cải tạo và nâng cấp các đường dây 35kV trong nhánh Cổ Tân lộ 370E8.6.	DNL	0,05		0,05	Phường An Phụ		2026-2030	Bổ sung mới
354	Cải tạo và nâng cấp các đường dây 35kV trong nhánh Hiến Thành lộ 375E8.10.	DNL	0,06		0,06	Phường Hiến Thành		2026-2030	Bổ sung mới
355	Cải tạo và nâng cấp các đường dây 35kV trong nhánh Hạ Chiểu lộ 370E8.10.	DNL	0,05		0,05	Phường Minh Tân		2026-2030	Bổ sung mới

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
356	Cải tạo và nâng cấp các đường dây 35kV trong nhánh Phạm Thái lộ 374E8.10.	DNL	0,09		0,09	Phường Phạm Thái		2026-2030	Bổ sung mới
357	Cải tạo và nâng cấp các đường dây 35kV trong nhánh Bơm Quảng Trí lộ 371E8.6.	DNL	0,04		0,04	Phường Phạm Thái		2026-2030	Bổ sung mới
358	Cải tạo và nâng cấp các đường dây 35kV trong nhánh Tân Dân E lộ 377E8.10.	DNL	0,08		0,08	Phường Tân Dân		2026-2030	Bổ sung mới
359	Cải tạo và nâng cấp các đường dây 35kV trong nhánh Bơm Trạm Lộ lộ 371E8.6.	DNL	0,02		0,02	Xã Bạch Đằng		2026-2030	Bổ sung mới
360	Cải tạo và nâng cấp các đường dây 35kV trong nhánh Bơm Lê Ninh lộ 371E8.6.	DNL	0,04		0,04	Xã Lê Ninh		2026-2030	Bổ sung mới
361	Cải tạo và nâng cấp các đường dây 35kV trong nhánh Quang Trung A lộ 371E8.6.	DNL	0,03		0,03	Xã Quang Thành		2026-2030	Bổ sung mới
362	Xây dựng mới ĐZ 35kV từ TBA 110kV Kinh Môn đi nhánh Bơm An Sinh lộ 374E8.10	DNL	0,03		0,03	Phường An Lưu		2021-2025	Bổ sung mới
363	Xây dựng mới ĐZ 35kV từ TBA 110kV Nhị Chiểu cấp điện cho KCN Kinh Môn	DNL	0,05		0,05	Phường An Lưu		2021-2025	Bổ sung mới
364	Xây dựng mới ĐZ 35kV từ TBA 110kV Kinh Môn 2 đi nhánh BCH Kho KB91 lộ 371E8.6	DNL	0,05		0,05	Phường An Lưu		2026-2030	Bổ sung mới
365	Xây dựng mới ĐZ 35kV từ TBA 110kV Kinh Môn đi nhánh Huệ Trì A lộ 371E8.6	DNL	0,04		0,04	Phường An Phụ		2021-2025	Bổ sung mới
366	Xây dựng mới ĐZ 35kV từ TBA 110kV Kinh Môn đi nhánh An Sinh 1 lộ 74E8.10	DNL	0,03		0,03	Phường An Sinh		2026-2030	Bổ sung mới
367	Xây dựng mới ĐZ 35kV từ TBA 110kV Kinh Môn đi nhánh Duy Tân H lộ 377E8.10	DNL	0,06		0,06	Phường Duy Tân		2026-2030	Bổ sung mới
368	Xây dựng mới ĐZ 35kV từ TBA 110kV Kinh Môn 2 đi nhánh An Sinh lộ 374E8.6	DNL	0,05		0,05	Phường An Sinh		2026-2030	Bổ sung mới
369	Xây dựng mới ĐZ 35kV từ TBA 110kV Kinh Môn cấp điện cho CCN Duy Tân (Giai đoạn 2)	DNL	0,05		0,05	Phường Duy Tân		2026-2030	Bổ sung mới
370	Xây dựng mới ĐZ 35kV từ TBA 110kV Kinh Môn cấp điện cho CCN Hiệp Sơn (Giai đoạn 2)	DNL	0,04		0,04	Phường Hiệp Sơn		2026-2030	Bổ sung mới
371	Xây dựng mới ĐZ 35kV từ TBA 110kV Nhị Chiểu liên lạc với lộ 371E8.6- ĐL Kinh Môn	DNL	0,20		0,20	Phường Minh Tân		2026-2030	Bổ sung mới

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
372	Xây dựng mới ĐZ 35kV từ TBA 110kV Kinh Môn 2 đi nhánh Bạch Đằng C lộ 371E8.6	DNL	0,05		0,05	Xã Bạch Đằng		2026-2030	Bổ sung mới
373	Xây dựng mới ĐZ 35kV từ TBA 110kV Kinh Môn 2 đi nhánh Bơm Lê Ninh lộ 371E8.6	DNL	0,03		0,03	Xã Lê Ninh		2026-2030	Bổ sung mới
374	Xây dựng mới ĐZ 35kV từ TBA 110kV Kinh Môn 2 đi nhánh Thăng Long D lộ 371E8.6	DNL	0,15		0,15	Xã Thăng Long		2026-2030	Bổ sung mới
	8. Đất có di tích lịch sử - văn hóa		**24,82**		**24,82**				
375	Khu di tích khảo cổ chùa Nhẫm Dương - núi Nhẫm Dương	DDT	18,80		18,80	Phường Duy Tân		2021-2025	Chuyển tiếp
376	Tượng đài Đốc Tít	DDT	0,8		0,8	Phường Minh Tân		2021-2025	Bổ sung mới
377	Tượng đài Phạm Sư Mệnh	DDT	0,8		0,8	Phường Phạm Thái		2021-2025	Bổ sung mới
378	Mở rộng khu di tích Hàm Long	DDT	4,22		4,22	Phường Minh Tân		2021-2025	Chuyển tiếp
379	Mở rộng, tôn tạo di tích lịch sử Đền Ngư Uyên	DDT	0,20		0,20	Phường Long Xuyên		2021-2025	Chuyển tiếp
	9. Đất bãi thải, xử lý chất thải		**36,76**		**36,76**				
380	Nhà máy xử lý rác tập trung	DRA	9,60		9,60	Phường Duy Tân, Xã Hoành Sơn	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
381	Bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh Phường Hiệp Sơn	DRA	0,54		0,54	Phường Hiệp Sơn	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 10/6/2017 của UBND huyện	2021	Chuyển tiếp
382	Bãi rác phường Phú Thứ	DRA	0,80		0,80	Phường Phú Thứ	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Bổ sung mới
383	Bãi rác xã Lê Ninh	DRA	0,12		0,12	Xã Lê Ninh	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Bổ sung mới
384	Đất bãi rác thải phường An Lưu	DRA	0,20		0,20	Phường An Lưu		2021-2025	Chuyển tiếp
385	Đất bãi rác thải phường Hiến Thành	DRA	0,60		0,60	Phường Hiến Thành		2021-2025	Chuyển tiếp
386	Bãi rác thải Tràng Vương phường Hiệp Sơn	DRA	0,54		0,54	Phường Hiệp Sơn		2021-2025	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
387	Đất bãi rác thải phường Thất Hùng	DRA	0,12		0,12	Phường Thất Hùng		2021-2025	Chuyển tiếp
388	Mở rộng đất bãi thải xử lý rác thải Trạm Lộ	DRA	0,20		0,20	Xã Bạch Đằng		2021-2025	Bổ sung mới
389	Quy hoạch bãi rác thải An Bộ	DRA	0,50		0,50	Xã Hiệp Hòa		2021-2025	Bổ sung mới
390	Đất xử lý chất thải Bãi Phù thôn Kim Đậu xã Lạc Long	DRA	0,57		0,57	Xã Lạc Long		2021-2025	Chuyển tiếp
391	Quy hoạch bãi rác mới thôn Vĩnh Lâm	DRA	0,20		0,20	Xã Lê Ninh		2021-2025	Bổ sung mới
392	Quy hoạch bãi rác thôn Ninh Xá (Vị trí 1: 0,11 ha Vị trí 2:0,46 ha)	DRA	0,57		0,57	Xã Lê Ninh		2026-2030	Bổ sung mới
393	Mở rộng bãi rác các cơ sở thôn (thôn Lâu Động, thôn Miêu Nha, thôn Tống Thượng)	DRA	0,50		0,50	Xã Quang Thành		2021-2025	Bổ sung mới
394	Quy hoạch bãi rác xã Thăng Long	DRA	0,70		0,70	Xã Thăng Long		2026-2030	Bổ sung mới
395	Bãi rác tập trung trên địa bàn các phường, xã	DRA	21,00		21,00	Trên địa bàn huyện		2026-2030	Bổ sung mới
	10. Đất cơ sở tôn giáo		**3,69**	**0,59**	**3,10**				
396	Quần thể Đình, chùa, miếu, đền khu Tái định cư thôn Tiên Xá (Công trình làm trả Đình, chùa, miếu, đền khu Tái định cư thôn Tiên Xá thuộc dự án Nhà máy nhiệt điện BOT Hải Dương); Trong đó: đất tôn giáo 0.15 ha; đất tín ngưỡng 0.42 ha; đất hạ tầng 1.19 ha.	TON	1,76		1,76	Xã Lê Ninh	Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Chuyển tiếp
397	Mở rộng chùa Báo Ân	TON	0,10		0,10	Phường Phạm Thái		2026-2030	Bổ sung mới
398	Mở rộng chùa Thiên Kỳ	TON	0,70		0,70	Xã Hoành Sơn		2021-2025	Bổ sung mới
399	Mở rộng chùa Cậy Sơn	TON	0,10		0,10	Xã Hoành Sơn		2026-2030	Bổ sung mới
400	Giao bổ sung đất chùa Thị xã Kinh Môn (Chùa Phượng Hoàng - Thất Hùng; Chùa Quang Minh - Lạc Long; Nhà thờ An Thủy - Hiến Thành; Huyền Quang - Hiến Thành; Phúc Thiền - Thượng Quận; Phương Luật - An Phụ; Lưu Hạ - An Lưu; Linh Sơn - Thượng Quận; Cả- Hoành Sơn)	TON	1,03	0,59	0,44	Phường An Phụ, phường Hiệp An, xã Thượng Quận		2021-2025	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
	11. Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng		**69,94**	**1,99**	**67,95**				
401	Xây dựng nhà tang lễ thị xã Kinh Môn	NTD	0,66		0,66	Phường An Lưu	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 03/NQHĐND ngày 24/7/2018 về danh mục đầu tư công năm 2019; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương;	2021	Chuyển tiếp
402	Xây dựng nghĩa trang liệt sỹ	NTD	0,57		0,57	Phường Long Xuyên	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
403	Mở rộng nghĩa địa phường An Sinh	NTD	0,15		0,15	Phường An Sinh	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
404	Mở rộng nghĩa trang nhân dân Phường Tân Dân (phục vụ di chuyển mồ mả thu hồi đất dãy Cúc Tiên của Cty TNHH MTV xi măng Vicem Hoàng Thạch)	NTD	0,35		0,35	Phường Tân Dân	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND huyện	2021	Chuyển tiếp
405	Xây dựng nghĩa trang nhân dân Phường Tân Dân (sau cải táng)	NTD	0,93		0,93	Phường Tân Dân	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của UBND huyện	2021	Chuyển tiếp
406	Nghĩa trang nhân dân Phường An Phụ (Phục vụ GPMB khu dân cư mới)	NTD	1,75		1,75	Phường An Phụ	Nghị quyết số 06 ngày 11/07/2018 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 565/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của UBND huyện	2021	Chuyển tiếp
407	Dự án xây dựng Nghĩa trang nhân dân phường Thất Hùng	NTD	0,50		0,50	Phường Thất Hùng	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương;	2021	Chuyển tiếp
408	Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn	NTD	3,79	1,77	2,02	Xã Quang Thành	Quyết định 3424/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 của UBND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 23/NQQ-HĐND ngày 02/11/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND thị xã Kinh Môn	2021	Chuyển tiếp
409	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa xã Hiệp Hòa (Vị trí 1: thôn Châu Bộ: 0,8 ha Vị trí 2: thôn An Bộ: 0,5 ha Vị trí 3: thôn Đích Sơn: 0,44 ha)	NTD	1,74		1,74	Xã Hiệp Hòa	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Bổ sung mới

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
410	Nghĩa địa thôn Vĩnh Lâm, núi Trọc	NTD	0,12		0,12	Phường Lê Ninh	Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Bổ sung mới
411	Mở rộng nghĩa địa Lưu Hạ (Đồng Vườn Trong)	NTD	0,17		0,17	Phường An Lưu		2021-2025	Chuyển tiếp
412	Mở rộng nghĩa trang thôn Huyền Tụng, Đòng Nam	NTD	0,04		0,04	Phường Hiến Thành		2021-2025	Bổ sung mới
413	Mở rộng nghĩa trang nhân dân Đồng Giữa - Bích Nhôi	NTD	1,00		1,00	Phường Minh Tân		2021-2025	Bổ sung mới
414	Mở rộng nghĩa trang nhân dân Đám Bạc - Tử Lạc	NTD	1,00		1,00	Phường Minh Tân		2021-2025	Bổ sung mới
415	Quy hoạch nghĩa trang Lĩnh Đòng	NTD	0,10		0,10	Phường Phạm Thái		2021-2025	Bổ sung mới
416	Mở rộng nghĩa trang thôn Quảng Trí	NTD	0,68		0,68	Phường Phạm Thái		2021-2025	Bổ sung mới
417	Xây dựng nghĩa trang Dương Nham	NTD	2,00		2,00	Phường Phạm Thái		2026-2030	Bổ sung mới
418	Xây dựng nghĩa trang nhân dân phường Phú Thứ (sau cải táng)	NTD	1,00		1,00	Phường Phú Thứ		2026-2030	Bổ sung mới
419	Mở rộng khuân viên nghĩa trang phường Thất Hùng	NTD	3,00		3,00	Phường Thất Hùng		2026-2030	Bổ sung mới
420	Mở rộng nghĩa trang thôn Trạm Lộ (Vị trí 1: 1,75 ha Vị trí 2: 0,09 ha)	NTD	1,84		1,84	Xã Bạch Đằng		2026-2030	Bổ sung mới
421	Mở rộng nghĩa trang thôn Đại Uyên	NTD	0,59		0,59	Xã Bạch Đằng		2021-2025	Bổ sung mới
422	Xây dựng nghĩa trang thôn Đại Uyên	NTD	3,86		3,86	Xã Bạch Đằng		2021-2025	Bổ sung mới
423	Mở rộng nghĩa trang thôn Kim Lôi (Vị trí 1: 0,72 ha Vị trí 2: 0,37 ha)	NTD	1,09		1,09	Xã Bạch Đằng		2026-2030	Bổ sung mới
424	Mở rộng nghĩa trang thôn Đồng Giầu	NTD	0,08		0,08	Xã Hoành Sơn		2021-2025	Bổ sung mới
425	Quy hoạch nghĩa trang mộ tròn (sau cải táng) thôn Nội Hợp	NTD	0,25	0,02	0,23	Xã Lê Ninh		2021-2025	Bổ sung mới
426	Mở rộng Nghĩa trang mộ dài thôn Lê Xá	NTD	0,34	0,2	0,14	Xã Lê Ninh		2021-2025	Bổ sung mới
427	Mở rộng Nghĩa trang liệt sĩ	NTD	0,11		0,11	Xã Lê Ninh		2021-2025	Bổ sung mới
428	Quy hoạch nghĩa trang thôn Vĩnh Lâm	NTD	0,16		0,16	Xã Lê Ninh		2021-2025	Bổ sung mới

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
429	Mở rộng nghĩa trang mộ tròn sau cải táng thôn Ninh Xá	NTD	0,10		0,10	Xã Lê Ninh		2026-2030	Bổ sung mới
430	Quy hoạch nghĩa trang thôn Ninh Xá	NTD	0,23		0,23	Xã Lê Ninh		2026-2030	Bổ sung mới
431	Mở rộng nghĩa trang thôn Miêu Nha	NTD	0,50		0,50	Xã Quang Thành		2021-2025	Bổ sung mới
432	Quy hoạch nghĩa trang nhân dân (Khu dân cư Ngư Uyên)	NTD	0,20		0,20	Phường Long Xuyên		2026-2030	Bổ sung mới
433	Quy hoạch nghĩa trang nhân dân (Khu dân cư Duẩn Lê)	NTD	0,15		0,15	Phường Long Xuyên		2026-2030	Bổ sung mới
434	Mở rộng nghĩa trang Tràng Vương	NTD	0,20		0,20	Phường Hiệp Sơn		2021-2025	Bổ sung mới
435	Mở rộng nghĩa trang Núi Sải	NTD	0,30		0,30	Phường Hiệp Sơn		2021-2025	Bổ sung mới
436	Quy hoạch nghĩa trang liệt sỹ xã Minh Hòa	NTD	0,40		0,40	Xã Minh Hòa		2026-2030	Bổ sung mới
437	Quy hoạch nghĩa trang nhân dân (4 khu: khu Nhị Chiểu, khu phía Nam An Phụ, khu phía Bắc An Phụ, khu Tam Lưu)	NTD	40,00		40,00	Thị xã Kinh Môn		2026-2030	Bổ sung mới
	12. Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội		**1,70**		**1,70**				
438	Viện dưỡng lão phường Thất Hùng	DXH	1,20		1,20	Phường Thất Hùng		2026-2030	Bổ sung mới
439	Trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi của Công ty cổ phần Sơn Ngọc.	DXH	0,50		0,50	Phường Hiệp Sơn		2021-2025	Bổ sung mới
	13. Đất chợ		**6,78**		**6,78**				
440	Xây dựng chợ và trung tâm thương mại phường An Lưu	DCH+TMD	2,80		2,80	Phường An Lưu	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
441	Mở rộng chợ Kim Xuyên phường An Sinh	DCH	0,14		0,14	Phường An Sinh		2021-2025	Chuyển tiếp
442	Chợ trung tâm phường	DCH	0,90		0,90	Phường Long Xuyên		2021-2025	Chuyển tiếp
443	Chợ dân sinh Hạ Chiểu	DCH	1,00		1,00	Phường Minh Tân		2021-2025	Bổ sung mới
444	Mở rộng chợ Tử lạc	DCH	0,50		0,50	Phường Minh Tân		2021-2025	Bổ sung mới
445	Chợ Quảng Trí	DCH	0,50		0,50	Phường Phạm Thái		2021-2025	Chuyển tiếp
446	Xây dựng chợ tạm	DCH	0,12		0,12	Xã Hoành Sơn		2021-2025	Bổ sung mới
447	Chợ xã Minh Hòa (Tại thôn Tư Đa)	DCH	0,82		0,82	Xã Minh Hòa		2021-2025	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
XI	**ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ**		**892,72**	**31,11**	**861,61**				
448	Khu đô thị sinh thái Thành Công giai đoạn 2	ODT	74,76		74,76	Phường Hiệp An, Phường An Phụ	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 của UBND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 423 ngày 18/9/2020 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
449	Khu dân cư mới phường Thất Hùng	ODT	8,14		8,14	Phường Thất Hùng	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Văn bản số 2017/UBND-VP ngày 21/6/2019, của UBND tỉnh Hải Dương; Công văn số 217/CV-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Bổ sung mới
450	Khu dân cư mới Phường Thái Thịnh	ODT	7,85		7,85	Phường Thái Thịnh	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Văn bản số 2017/UBND-VP ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
451	Khu dân cư mới phía Tây Bắc phường An Lưu	ODT	8,71		8,71	Phường An Lưu	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 05/06/2020 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
452	Khu dân cư phía Nam Phường An Lưu	ODT	49,15		49,15	Phường An Lưu; phường Hiệp An	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 05/06/2020 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
453	Xây dựng điểm dân cư mới P. An Phụ (Công ty cổ phần 27/7 đầu tư) (đất ở 3,86 ha, hạ tầng 5,3 ha)	ODT	9,05	7,81	1,24	Phường An Phụ	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 05/06/2020 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
454	Khu dân cư, dịch vụ thương mại Bắc Phường Phú Thứ giai đoạn I	ODT	37,92	23,30	14,62	Phường Phú Thứ	Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 20/5/2015 của UBND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương;	2021	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
455	Khu dân cư, dịch vụ thương mại Bắc phường Phú Thứ (giai đoạn 2)	ODT	25,99		25,99	Phường Phú Thứ		2021-2025	Bổ sung mới
456	Quy hoạch đất đấu giá khu cổng làng Hạ Chiểu 2 (bên trường học)	ODT	2,50		2,50	Phường Minh Tân	Quyết định 1359/QĐ-UBND ngày 11/7/2007 của UBND huyện; Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 về phê chuẩn danh mục đầu tư công năm 2020; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
457	Bổ sung diện tích Khu đô thị sinh thái Thành Công giai đoạn 1 (giao đất đợt 3)	ODT	1,18		1,18	Phường Hiệp An	Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 của UBND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
458	Điểm dân cư mới khu Lưu Hạ	ODT	0,21		0,21	Phường An Lưu	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND huyện	2021	Chuyển tiếp
459	Xây dựng điểm dân cư mới Phường Phạm Thái	ODT	0,98		0,98	Phường Phạm Thái	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
460	Xây dựng điểm dân cư mới Phường Long Xuyên (Từ hộ ông Tĩnh đến cổng Đồng Mây)	ODT	0,70		0,70	Phường Long Xuyên	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
461	Đất ở Phường An Sinh (thôn Kim Xuyên 3 (vị trí 2) 0.43 ha ; thôn Vân Ổ (vị trí 6) 0.35 ha; thôn Kim Xuyên 3 (vị trí 8) 0.93 ha; thôn Kim Xuyên 4 (vị trí 4) 0.18 ha; thôn Kim Xuyên 4 (vị trí 5) 0.31 ha;	ODT	2,20		2,20	Phường An Sinh	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND huyện Kinh môn	2021	Chuyển tiếp
462	Đất xen kẹp phường Hiệp An (Điểm số 13 Khu Vườn Cát)	ODT	0,36		0,36	Phường Hiệp An	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND thị xã Kinh Môn; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
463	Dự án điểm dân cư tái định cư phường Thất Hùng	ODT	0,10		0,10	Phường Thất Hùng	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/07/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh	2021	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
464	Dự án xây dựng khu dân cư Cửa làng phường Hiến Thành (giai đoạn 2)	ODT	1,60		1,60	Phường Hiến Thành	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/07/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của UBND huyện Kinh Môn	2021	Chuyển tiếp
465	Điểm dân cư mới Đìa Lau kết hợp tái định cư cầu Dinh - Khu dân cư Tống Buồng	ODT	0,22		0,22	Phường Thái Thịnh	Quyết định số 3424/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2002 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 02/11/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 22/09/2020 của UBND thị xã Kinh Môn	2021	Chuyển tiếp
466	Điểm dân cư Đìa Đình - khu dân cư Nhất Sơn	ODT	0,20		0,20	Phường Thái Thịnh	Quyết định số 3424/QĐ-UBND ngày 17/11/2002 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 02/11/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 22/09/2020 của UBND thị xã Kinh Môn.	2021	Chuyển tiếp
467	Các điểm dân cư Phường An Phụ (xã An Phụ): + Vị trí số 1 xóm 9 thôn Huề Trì 0.54 ha; + Vị trí số 2 xóm 9 thôn Huề Trì 0.02 ha; + Vị trí số 3 Ngõ ông Bính thôn Cổ Tân 0.09 ha; + Vị trí số 4 Cổng chùa thôn Cổ Tân 0.04 ha; + Vị trí số 5 Xóm 2 thôn Huề Trì 0.07 ha; + Vị trí số 6: Ngã ba ngõ ông Mốt thôn Cổ Tân 0.11 ha.	ODT	0,87		0,87	Phường An Phụ	Nghị quyết số 24 ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 23/4/2019 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 720/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của UBND huyện	2021	Chuyển tiếp
468	Chuyển mục đích đất vườn, ao không được công nhận là đất ở thành đất ở	ODT	1,00		1,00	Các phường	Đề nghị chuyển mục đích từ đất vườn, ao, không được công nhận là đất ở sang đất ở; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh	2021	Bổ sung mới
469	Khu dân cư mới Đồng Miễu, phường Hiến Thành	ODT	2,80		2,80	Phường Hiến Thành	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 về phê chuẩn danh mục đầu tư công năm 2020	2021-2025	Bổ sung mới

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
470	Khu dân cư dịch vụ Tây Sơn	ODT	18,00		18,00	Phường Hiệp An; Phường Hiệp Sơn	Công văn số 3899 ngày 23/10/2020 của UBND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Bổ sung mới
471	Khu dân cư mới Long Xuyên	ODT	5,00		5,00	Phường Long Xuyên	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 về phê chuẩn danh mục đầu tư công năm 2020	2021-2025	Bổ sung mới
472	Khu dân cư Đống Lý, Phường Phú Thứ	ODT	12,75		12,75	Phường Phú Thứ	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 về phê chuẩn danh mục đầu tư công năm 2020;	2021-2025	Bổ sung mới
473	Khu dân cư thương mại phường Thất Hùng	ODT	25,00		25,00	Phường Thất Hùng	Công văn số 2242 ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Bổ sung mới
474	Điểm dân cư mới Châu Xá	ODT	9,90		9,90	Phường Duy Tân	Quyết định 2243/QĐ-UBND-VP ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Hải Dương; Công văn số 1280 ngày 21/4/2020 của UBND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Bổ sung mới
475	Khu dân cư mới Duyên Linh	ODT	6,50		6,50	Phường Duy Tân	Công văn số 1280 ngày 21/4/2020 của UBND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Bổ sung mới
476	Khu dân cư thương mại Thái Thịnh	ODT	32,00		32,00	Phường Hiến Thành; Thái Thịnh; Long Xuyên	Công văn số 2242 ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Bổ sung mới
477	Khu dân cư đô thị mới phường Thất Hùng	ODT	29,00		29,00	Phường Thất Hùng	Công văn số 2242 ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Bổ sung mới
478	Khu nhà ở chuyên gia tại phường Tân Dân, thị xã Kinh Môn	ODT	1,91		1,91	Phường Tân Dân	Đấu giá đất thuê thời hạn 50 năm	2021-2025	Bổ sung mới
479	Đấu giá đất ở Phường Phạm Thái	ODT	4,50		4,50	Phường Phạm Thái	Đấu giá tạo nguồn	2021-2025	Bổ sung mới
480	Khu dân cư mới thôn Đồng Quan, xã Quang Thành (giai đoạn 1)	ODT	3,66		3,66	Xã Quang Thành	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 về phê chuẩn danh mục đầu tư công năm 2020	2021-2025	Bổ sung mới
481	Khu dân cư mới thôn Đồng Quan, xã Quang Thành (giai đoạn 2)	ODT	5,23		5,23	Xã Quang Thành	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 về phê chuẩn danh mục đầu tư công năm 2020	2026-2030	Bổ sung mới
482	Khu dân cư mới Hiến Thành	ODT	3,00		3,00	Phường Hiến Thành		2026-2030	Bổ sung mới
483	Khu dân cư Vũ Xá, phường Thất Hùng	ODT	10,00		10,00	Phường Thất Hùng		2021-2025	Bổ sung mới
484	Sân vận động giáp trạm y tế chuyển sang đất ở (Khu vực giáp Trạm y tế)	ODT	0,80		0,80	Phường An Lưu		2021-2025	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
485	Khu dân cư mới số 5 giáp cây xăng Lưu Hạ	ODT	2,85		2,85	Phường An Lưu		2021-2025	Bổ sung mới
486	Khu dân cư mới số 6	ODT	8,16		8,16	Phường An Lưu		2026-2030	Bổ sung mới
487	Khu dân cư phía Tây phường An Phụ	ODT	22,50		22,50	Phường An Phụ		2026-2030	Bổ sung mới
488	Mở rộng Khu dân cư mới phía Đông, phường An Phụ (giai đoạn 1)	ODT	5,50		5,50	Phường An Phụ		2021-2025	Bổ sung mới
489	Mở rộng Khu dân cư mới phía Đông, phường An Phụ (giai đoạn 2)	ODT	10,00		10,00	Phường An Phụ		2026-2030	Bổ sung mới
490	Khu dân cư mới phường An Sinh	ODT	10,00		10,00	Phường An Sinh		2021-2025	Bổ sung mới
491	Khu dân cư mới phường An Sinh	ODT	30,00		30,00	Phường An Sinh		2026-2030	Bổ sung mới
492	Khu dân cư mới Nhẫm Dương	ODT	20,00		20,00	Phường Duy Tân		2026-2030	Bổ sung mới
493	Khu dân cư mới Tây Sơn, phường Hiệp An	ODT	2,27		2,27	Phường Hiệp An		2021-2025	Bổ sung mới
494	Khu dân cư dọc trục đường kết nối cầu Dinh với QL17B	ODT	49,50		49,50	Phường Hiệp An, Phường Long Xuyên		2021-2025	Bổ sung mới
495	Chuyển đổi hạt quản lý đường bộ thành đất ở	ODT	0,25		0,25	Phường Hiệp Sơn		2021-2025	Bổ sung mới
496	Khu dân cư mới Hiệp Sơn từ đường 389 đến bờ đơm	ODT	10,50		10,50	Phường Hiệp Sơn		2026-2030	Bổ sung mới
497	Quy hoạch đô thị khu Tử Lạc	ODT	2,00		2,00	Phường Minh Tân		2021-2025	Bổ sung mới
498	Khu dân cư mới phường Phạm Thái	ODT	50,00		50,00	Phường Phạm Thái		2026-2030	Bổ sung mới
499	Khu dân cư dịch vụ thương mại phía Nam Phú Thứ	ODT	20,40		20,40	Phường Phú Thứ		2026-2030	Bổ sung mới
500	Khu đô thị mới Hán Xuyên, phường Thất Hùng	ODT	20,00		20,00	Phường Thất Hùng		2021-2025	Bổ sung mới
501	Điểm dân cư mới phường Tân Dân	ODT	4,00		4,00	Phường Tân Dân		2026-2030	Bổ sung mới
502	Khu dân cư mới phường Tân Dân	ODT	6,00		6,00	Phường Tân Dân		2021-2025	Bổ sung mới
503	Khu dân cư Thái Thịnh	ODT	5,00		5,00	Phường Thái Thịnh		2026-2030	Bổ sung mới
504	Khu dân cư mới Sông Lấp, Đồng Nội	ODT	8,00		8,00	Phường Thái Thịnh		2021-2025	Bổ sung mới

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
505	Khu đô thị Quang Thành (giai đoạn 2)	ODT	30,00		30,00	Xã Quang Thành		2021-2025	Bổ sung mới
506	Khu dân cư Miêu Nha	ODT	5,00		5,00	Xã Quang Thành		2021-2025	Bổ sung mới
507	Khu dân cư mới xã Quang Thành	ODT	5,50		5,50	Xã Quang Thành		2026-2030	Bổ sung mới
508	Khu dân cư mới thôn Xạ Sơn	ODT	5,90		5,90	Xã Quang Thành		2021-2025	Bổ sung mới
509	Khu dân cư mới Xã Quang Thành (Bổ sung) giai đoạn II	ODT	0,70		0,70	Xã Quang Thành		2021-2025	Chuyển tiếp
510	Điểm dân cư mới xã Quang Thành	ODT	2,00		2,00	Xã Quang Thành		2021-2025	Bổ sung mới
511	Xã Quang Thành nâng cấp thành phường Quang Thành	ODT	92,95		92,95	Xã Quang Thành		2026-2030	Bổ sung mới
512	Quỹ đất ở tại đô thị	ODT	30,00		30,00	Các phường		2021-2025	Bổ sung mới
513	Quỹ đất ở tại đô thị	ODT	30,00		30,00	Các phường		2026-2030	Bổ sung mới
XII	**ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN**		**441,89**	**20,50**	**421,39**				
514	Khu đô thị Quang Thành	ONT	9,97		9,97	Xã Quang Thành	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 808/NQ-UBND ngày 18/09/2020 của UBND thị xã Kinh Môn	2021	Chuyển tiếp
515	Khu dân cư mới Xã Quang Thành (Công ty cổ phần 27/7 đầu tư)	ONT	13,43	10,93	2,50	Xã Quang Thành	Nghị quyết 06 ngày 11/07/2018 của HĐND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 10/4/2018 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
516	Khu dân cư mới xã Minh Hòa	ONT	7,67		7,67	Xã Minh Hòa	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Văn bản số 2017/UBND-VP ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh Hải Dương	2021	Chuyển tiếp
517	Khu dân cư mới xã Lạc Long	ONT	9,97	9,07	0,90	Xã Lạc Long	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 23/4/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của UBND huyện Kinh Môn	2021	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
518	Khu dân cư mới Đường Vũ	ONT	2,60		2,60	Xã Lê Ninh	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 về phê chuẩn danh mục đầu tư công năm 2020; Nghị quyết số 24 ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh (2,5, ha); Quyết định 918/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của UBND huyện; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh	2021	Chuyển tiếp
519	Khu dân cư Gốc đa- Giếng se	ONT	0,99		0,99	Xã Lê Ninh	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh; Quyết định 918/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của UBND huyện	2021	Chuyển tiếp
520	Điểm dân cư mới thôn Xạ Sơn	ONT	1,50		1,50	Xã Quang Thành	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định 197/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của UBND huyện Kinh Môn	2021	Chuyển tiếp
521	Điểm dân cư xã Minh Hòa	ONT	0,57		0,57	Xã Minh Hòa	Nghị quyết số 06 ngày 11/07/2018 của HĐND tỉnh; Quyết định 129/QĐ-UBND ngày 13/6/2013 của HĐND huyện	2021	Chuyển tiếp
522	Các điểm dân cư mới xã Bạch Đằng: + Điểm dân cư số 2: 0.57 ha; + Điểm dân cư số 8: 0.03 ha	ONT	1,10	0,5	0,60	Xã Bạch Đằng	Nghị quyết số 24/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh; Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 28/8/2015 của UBND huyện Kinh môn	2021	Chuyển tiếp
523	Chuyển mục đích đất vườn, ao không được công nhận là đất ở thành đất ở	ONT	0,80		0,80	Các xã	Đề nghị Chuyển mục đích đất vườn, ao không được công nhận là đất ở thành đất ở; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh	2021	Bổ sung mới
524	Khu dân cư mới xã Bạch Đằng	ONT	40,00		40,00	Xã Bạch Đằng; Xã Lê Ninh	Văn bản số 260UBND-VP ngày 27/07/2020 của UBND tỉnh Hải Dương; Công văn số 2675 ngày 27/7/2020 của UBND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh	2021-2025	Bổ sung mới
525	Khu dân cư mới Giếng Bàng, xã Minh Hòa	ONT	2,00		2,00	Xã Minh Hòa		2021-2025	Bổ sung mới

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
526	Điểm dân cư mới Kim Lôi, Bạch Đằng	ONT	2,60		2,60	Xã Bạch Đằng	Nghị quyết số 24 ngày 13/12/2018 và NQ số 22 ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Bổ sung mới
527	Khu dân cư mới xã Thăng Long	ONT	23,00		23,00	Xã Thăng Long	Công văn số 2245 ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Bổ sung mới
528	Dự án dãn dân thôn Trung Hòa (khu chân rau)	ONT	2,95		2,95	Xã Thăng Long	Nghị quyết 07/NQ-HĐND ngày 08/06/2020 của HĐND thị xã Kinh Môn	2021-2025	Bổ sung mới
529	Khu dân cư Châu Bộ	ONT	17,60		17,60	Xã Hiệp Hòa		2021-2025	Bổ sung mới
530	Khu dân cư An Bộ	ONT	21,70		21,70	Xã Hiệp Hòa		2026-2030	Bổ sung mới
531	Khu dân cư mới xã Hiệp Hòa	ONT	8,00		8,00	Xã Hiệp Hòa		2021-2025	Bổ sung mới
532	Khu dân cư mới xã Hiệp Hòa	ONT	50,00		50,00	Xã Hiệp Hòa		2026-2030	Bổ sung mới
533	Khu dân cư Đồng Mai	ONT	2,86		2,86	Xã Hoành Sơn		2021-2025	Bổ sung mới
534	Khu dân cư Đồng Cửa	ONT	8,90		8,90	Xã Hoành Sơn		2026-2030	Bổ sung mới
535	Khu dân cư mới Lạc Long	ONT	5,40		5,40	Xã Lạc Long		2026-2030	Bổ sung mới
536	Khu dân cư Đìa Ngõ - thôn Nội	ONT	3,20		3,20	Xã Minh hòa		2026-2030	Bổ sung mới
537	Khu dân cư Đồng Giếng - thôn Nội	ONT	2,40		2,40	Xã Minh hòa		2026-2030	Bổ sung mới
538	Khu dân cư mới Thượng Quận	ONT	50,00		50,00	Xã Thượng Quận		2026-2030	Bổ sung mới
539	Khu dân cư mới thôn Khuê Bích - Quế Lĩnh	ONT	2,60		2,60	Xã Thượng Quận		2021-2025	Bổ sung mới
540	Khu dân cư mới Tống Long	ONT	12,00		12,00	Xã Thăng Long		2026-2030	Bổ sung mới
541	Khu dân cư mới Hà Tràng	ONT	19,00		19,00	Xã Thăng Long		2026-2030	Bổ sung mới
542	Khu dân cư thôn Lộ Xá	ONT	7,60		7,60	Xã Thăng Long		2026-2030	Bổ sung mới
543	Khu dân cư mới xã Thượng Quận	ONT	10,00		10,00	Xã Thượng Quận		2021-2025	Bổ sung mới
544	Khu dân cư giáp khu Tái định cư thôn Vĩnh Lâm	ONT	3,00		3,00	Xã Lê Ninh		2021-2025	Bổ sung mới
545	Quy hoạch đất dân cư khu Hố Chúc Chùa Chay	ONT	2,50		2,50	Xã Lê Ninh		2026-2030	Bổ sung mới
546	Quy hoạch đất dân cư khu cổng ông Kết (2 bên trục đường xã); khu đất canh tác xen khu dân cư xóm 4	ONT	2,50		2,50	Xã Lê Ninh		2026-2030	Bổ sung mới

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
547	Quy hoạch đất dân cư khu Đằng Mang; Đằng Sang; Đằng rẻ	ONT	5,50		5,50	Xã Lê Ninh		2026-2030	Bổ sung mới
548	Quy hoạch đất dân cư khu Rồng Rồng; Só Ràng; Đám Mạ	ONT	10,00		10,00	Xã Lê Ninh		2026-2030	Bổ sung mới
549	Quy hoạch dự án dãn dân thôn Lộ Xá	ONT	6,50		6,50	Xã Thăng Long		2026-2030	Bổ sung mới
550	Điểm dân cư mới thôn Bồ Bản	ONT	2,00		2,00	Xã Thượng Quận		2026-2030	Bổ sung mới
551	Quy hoạch đất ở khu cửa Duân	ONT	2,40		2,40	Xã Hiệp Hòa		2026-2030	Bổ sung mới
552	Đất ở nông thôn xã Thượng Quận	ONT	5,00		5,00	Xã Thượng Quận		2021-2025	Chuyển tiếp
553	Đất ở nông thôn xã Minh Hòa	ONT	2,08		2,08	Xã Minh Hòa		2021-2025	Chuyển tiếp
554	Quỹ đất ở tại nông thôn	ONT	30,00		30,00	Các xã		2021-2025	Bổ sung mới
555	Quỹ đất ở tại nông thôn	ONT	30,00		30,00	Các xã		2026-2030	Bổ sung mới
XIII	**ĐẤT KHU VUI CHƠI, GIẢI TRÍ CÔNG CỘNG**		**64,18**		**64,18**				
556	Đất khu vui chơi giải trí phường An Lưu	DKV	4,00		4,00	Phường An Lưu		2021-2025	Chuyển tiếp
557	Đất khu vui chơi giải trí phường An Phụ	DKV	3,00		3,00	Phường An Phụ		2021-2025	Chuyển tiếp
558	Đất khu vui chơi giải trí phường An Sinh	DKV	3,00		3,00	Phường An Sinh		2021-2025	Chuyển tiếp
559	Đất khu vui chơi giải trí phường Duy Tân	DKV	3,03		3,03	Phường Duy Tân		2021-2025	Chuyển tiếp
560	Đất khu vui chơi giải trí phường Hiệp Sơn	DKV	3,00		3,00	Phường Hiệp Sơn		2021-2025	Chuyển tiếp
561	Đất khu vui chơi giải trí phường Long Xuyên	DKV	2,00		2,00	Phường Long Xuyên		2021-2025	Chuyển tiếp
562	Quy hoạch công viên phường Long Xuyên	DKV	0,90		0,90	Phường Long Xuyên		2026-2030	Bổ sung mới
563	Đất khu vui chơi giải trí phường Phú Thứ	DKV	3,86		3,86	Phường Phú Thứ		2021-2025	Chuyển tiếp
564	Đất khu vui chơi giải trí phường Tân Dân	DKV	3,00		3,00	Phường Tân Dân		2021-2025	Chuyển tiếp
565	Đất khu vui chơi giải trí phường Thái Thịnh	DKV	3,00		3,00	Phường Thái Thịnh		2021-2025	Chuyển tiếp
566	Đất khu vui chơi giải trí phường Thất Hùng	DKV	2,99		2,99	Phường Thất Hùng		2021-2025	Chuyển tiếp
567	Đất khu vui chơi giải trí xã Bạch Đằng	DKV	3,00		3,00	Xã Bạch Đằng		2021-2025	Chuyển tiếp
568	Đất khu vui chơi giải trí xã Hiệp Hòa	DKV	3,00		3,00	Xã Hiệp Hòa		2021-2025	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
569	Đất khu vui chơi giải trí xã Hoành Sơn	DKV	3,00		3,00	Xã Hoành Sơn		2021-2025	Chuyển tiếp
570	Đất khu vui chơi giải trí xã Lê Ninh	DKV	2,80		2,80	Xã Lê Ninh		2021-2025	Chuyển tiếp
571	Đất khu vui chơi giải trí xã Minh Hòa	DKV	3,00		3,00	Xã Minh Hòa		2021-2025	Chuyển tiếp
572	Quy hoạch đất cây xanh công viên xã Thăng Long	DKV	5,60		5,60	Xã Thăng Long		2026-2030	Bổ sung mới
573	Đất khu vui chơi giải trí phường Hiến Thành	DKV	2,00		2,00	Phường Hiến Thành		2026-2030	Bổ sung mới
574	Đất khu vui chơi giải trí phường Hiệp An	DKV	2,00		2,00	Phường Hiệp An		2026-2030	Bổ sung mới
575	Đất khu vui chơi giải trí phường Minh Tân	DKV	2,00		2,00	Phường Minh Tân		2026-2030	Bổ sung mới
576	Đất khu vui chơi giải trí phường Phạm Thái	DKV	2,00		2,00	Phường Phạm Thái		2026-2030	Bổ sung mới
577	Đất khu vui chơi giải trí xã Quang Thành	DKV	2,00		2,00	Xã Quang Thành		2026-2030	Bổ sung mới
578	Đất khu vui chơi giải trí xã Thượng Quận	DKV	2,00		2,00	Xã Thượng Quận		2026-2030	Bổ sung mới
XIV	**ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC**		**287,07**		**287,07**				
579	Dự án điều chỉnh, mở rộng dự án đầu tư trang trại chăn nuôi	NKH	0,45		0,45	Xã Hiệp Hòa	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/07/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 10 tháng 03 năm 2020 của UBND thị xã Kinh Môn	2021	Chuyển tiếp
580	Trang trại chăn nuôi Long Phát	NKH	5,70		5,70	Xã Hiệp Hòa	Thông báo số 1495/TB-TU ngày 23/7/2020	2021-2025	Bổ sung mới
581	Khu nông nghiệp sinh thái ứng dụng công nghệ cao của Công ty cổ phần Cao Lanh Hải Dương	NKH	23,38		23,38	Phường Minh Tân	Văn bản 1463/SKH-ĐT-TĐĐT ngày 24/11/2015; Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của UBND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Chuyển tiếp
582	Chăn nuôi hộ gia đình ông Phạm Quang Phúc	NKH	0,54		0,54	Xã Hoành Sơn		2021-2025	Chuyển tiếp
583	Trang trại khu Đồng Cối	NKH	0,42		0,42	Phường An Sinh		2021-2025	Chuyển tiếp
584	Trang trại khu Rộc Me	NKH	0,80		0,80	Phường An Sinh		2021-2025	Chuyển tiếp
585	Trang trại khu Đầu Cầu	NKH	0,30		0,30	Phường An Sinh		2021-2025	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
586	Quy hoạch khu xuất rau sạch phường Hiệp Sơn	NKH	2,30		2,30	Phường Hiệp Sơn		2026-2030	Bổ sung mới
587	Quy hoạch khu sản xuất rau sạch (khu ông Tạm)	NKH	2,00		2,00	Phường Hiệp Sơn		2026-2030	Bổ sung mới
588	Quy hoạch khu sản xuất rau sạch (khu trung đình)	NKH	1,00		1,00	Phường Hiệp Sơn		2026-2030	Bổ sung mới
589	Trang trại trồng cây dược liệu	NKH	0,80		0,80	Phường Minh Tân		2021-2025	Bổ sung mới
590	Vùng chuyển đổi đất lúa sang đất nông nghiệp khác	NKH	11,00		11,00	Phường Minh Tân		2026-2030	Bổ sung mới
591	Vùng trang trại + nuôi trồng thủy sản gần đê (thôn Lĩnh Đông); Khu vực Đồng Pheo ngoài thôn Dương Nham)	NKH	0,40		0,40	Phường Phạm Thái		2021-2025	Chuyển tiếp
592	Chuyển đổi đất chưa sử dụng sang đất nông nghiệp khác tại Phường Phạm Thái	NKH	6,00		6,00	Phường Phạm Thái		2021-2025	Chuyển tiếp
593	Quy hoạch khu chăn nuôi tập trung	NKH	6,00		6,00	Xã Hiệp Hòa		2021-2025	Bổ sung mới
594	Mở rộng trang trại chăn nuôi Long Phát	NKH	8,00		8,00	Xã Hiệp Hòa		2026-2030	Bổ sung mới
595	Chuyển đổi đất chưa sử dụng sang đất nông nghiệp khác tại xã Lê Ninh	NKH	0,08		0,08	Xã Lê Ninh		2021-2025	Chuyển tiếp
596	Dự án khu chăn nuôi tập trung thôn Xạ Sơn	NKH	3,00		3,00	Xã Quang Thành		2021-2025	Chuyển tiếp
597	Quy hoạch đất trang trại, nuôi trồng thủy sản khu Đồng Gạo tại xã Thăng Long	NKH	6,80		6,80	Xã Thăng Long		2021-2025	Bổ sung mới
598	Quy hoạch đất trang trại tổng hợp tại xã Thăng Long	NKH	22,20		22,20	Xã Thăng Long		2026-2030	Bổ sung mới
599	Dự án xây dựng trang trại của hộ gia đình ông Phạm Văn Hùng.	NKH	1,50		1,50	Xã Thăng Long		2021-2025	Bổ sung mới
600	Khu chăn nuôi tập trung cống đầm Mụa	NKH	2,20		2,20	Xã Thượng Quận		2021-2025	Chuyển tiếp
601	Khu chăn nuôi tập trung (Thôn Bích Khuê)	NKH	2,50		2,50	Xã Thượng Quận		2021-2025	Chuyển tiếp
602	Trang trai chăn nuôi Long Phát QLC tại xã Thượng Quận	NKH	5,70		5,70	Xã Thượng Quận		2021-2025	Chuyển tiếp
603	Quy hoạch vùng nông nghiệp công nghệ cao tại xã Minh Hòa	NKH	85,00		85,00	Xã Minh Hòa		2026-2030	Bổ sung mới

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (phường, xã)	Căn cứ pháp lý	Năm thực hiện	Chú thích
			QH được duyệt	Hiện trạng	Tăng thêm				
604	Quy hoạch vùng nông nghiệp công nghệ cao tại Phường Hiến Thành	NKH	55,00		55,00	Phường Hiến Thành		2026-2030	Bổ sung mới
605	Quy hoạch vùng nông nghiệp công nghệ cao tại phường Thái Thịnh	NKH	34,00		34,00	Phường Thái Thịnh		2026-2030	Bổ sung mới
XV	**ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**		**79,50**	**1,50**	**78,00**				
606	Dự án nuôi trồng thủy sản công nghệ cao của công ty Cổ phần Tân Phú Xuân	NTS	20,87		20,87	Phường Phú Thứ	Văn bản số 4112/UBND-VP ngày 09/11/2020 của UBND tỉnh Hải Dương	2021-2025	Bổ sung mới
607	Đất nuôi trồng thủy sản Thôn Kim Bào (Đồng Thượng, Đỗi Yên Ngựa)	NTS	4,90		4,90	Phường Duy Tân		2021-2025	Chuyển tiếp
608	Khu nuôi trồng thủy sản bãi Nghè Cả	NTS	2,00		2,00	Phường Minh Tân		2021-2025	Chuyển tiếp
609	Đất nuôi trồng thủy sản Phường Phạm Thái (Khu Trại Giá, trại Kiều - Thôn Trí Giả dưới; Bãi Cống Chùa, thôn Trí Giả dưới; Bãi Cống Ngo, sau ông Chăng)	NTS	3,00		3,00	Phường Phạm Thái		2021-2025	Chuyển tiếp
610	Khu nuôi trồng thủy sản tập trung phường Tân Dân	NTS	21,10		21,10	Phường Tân Dân		2021-2025	Chuyển tiếp
611	Đất khu nuôi trồng thủy sản thôn Kim Lôi	NTS	3,54	1,50	2,04	Xã Bạch Đằng		2021-2025	Chuyển tiếp
612	Đất nuôi trồng thủy sản Bãi Bún thôn Xuân Cầu	NTS	2,00		2,00	Xã Lạc Long		2021-2025	Chuyển tiếp
613	Quy hoạch vùng nuôi trồng thủy sản (Khu Nghè Kép, thôn Nội Hợp, Lê Xá; Khu Đầm Tây, khu Làng Cũ, hộ Phạm Hữu Lĩnh thôn Tiên Xá; Khu Cửa Đình, Đồng Bông thôn Ninh Xá; Khu Bãi Nghè Vua, Đầm Thuyền, Bờ sông Vực xóm Tân Cương)	NTS	6,00		6,00	Xã Lê Ninh		2021-2025	Chuyển tiếp
614	Nuôi trồng thủy sản thôn Bãi Mạc	NTS	3,00		3,00	Xã Thượng Quận		2021-2025	Chuyển tiếp
615	Nuôi trồng thủy sản tại xã Thăng Long và xã Lạc Long	NTS	13,09		13,09	Xã Thăng Long, xã Lạc Long		2026-2030	Bổ sung mới